

**HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG HỆ THỐNG SSV
PRO (HTS) GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
PHÁI SINH**

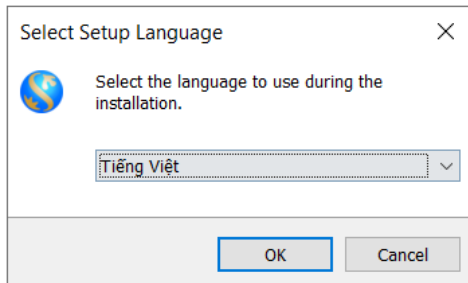
Mục lục

A.	HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT	4
B.	HƯỚNG DẪN ĐĂNG NHẬP HỆ THỐNG.....	5
C.	THÔNG TIN CHUNG.....	6
D.	THIẾT LẬP CẤU HÌNH	7
1.	Cấu hình.....	7
1.1.1.	[0001] Cài đặt chung.....	7
1.1.1.1.	[0001] Cài đặt cơ bản	7
1.1.1.2.	[0001] Cài đặt màn hình	8
1.1.1.3.	[0001] và [0002] Cài đặt lệnh.....	9
1.1.1.4.	[0001] Chuông báo người dùng.....	9
1.1.1.5.	[0001] và [0005] Phím nhanh.....	10
1.1.1.6.	[0001] Màu nền màn hình	10
1.1.1.7.	[0001] Hình nền.....	11
1.1.1.8.	[0001] và [0008] Cài đặt menu người dùng	12
1.1.1.9.	[0001] và [0007] Cài đặt tab tùy chỉnh	12
1.1.1.10.	[0001] Cài đặt biểu tượng màn hình.....	13
1.1.2.	[0001] Cài đặt thanh công cụ	14
1.1.2.1.	[0001] Menubar nhanh	14
1.1.2.2.	[0001] Thanh công cụ.....	15
1.1.2.3.	[0001] Cài đặt thanh công cụ đặt lệnh.....	16
1.1.3.	[0001] Quản lý cài đặt.....	17
1.1.4.	[0001] Cài đặt chuột phải.....	17
2.	Các chức năng khác	19
E.	CHỨC NĂNG CHI TIẾT	20
1.	Bảng giá	20
1.1.	[1140] Bảng giá phái sinh	20
2.	Phái sinh.....	20
2.1.	Giá chứng khoán phái sinh.....	20
2.1.1.	[3610] Giá hiện tại.....	20
2.1.2.	[3611] Yết giá theo giờ.....	21
2.1.3.	[3615] Yết giá theo phút.....	21
2.1.4.	[3612] Yết giá theo thời gian.....	22
2.1.5.	[3614] Thông báo lệnh thỏa thuận.....	22
2.2.	Lệnh phái sinh.....	23
2.2.1.	[5110] Mua chứng khoán phái sinh.....	23
2.2.2.	[5120] Bán chứng khoán phái sinh.....	24
2.2.3.	[5130] Sửa/Hủy chứng khoán phái sinh	24

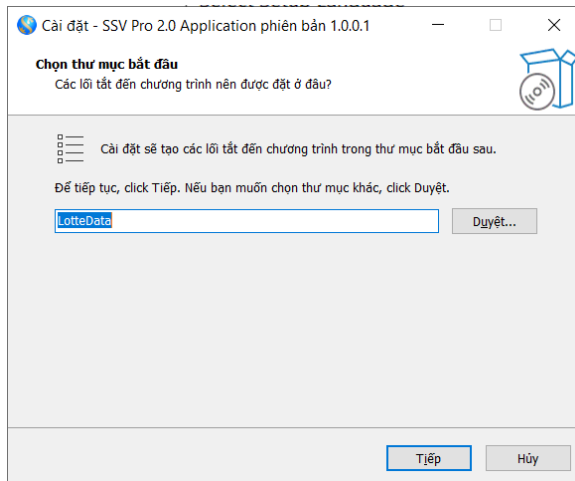
2.2.2.	[5140] Lệnh đặt trước/kỳ hạn	25
2.3	Thông tin giao dịch phái sinh.....	26
2.3.1.	[6610] Lãi lỗ vị thế trong ngày	26
2.3.2.	[6611] Tỷ lệ rủi ro	27
2.3.3.	[6620] Danh sách lệnh chưa khớp	28
2.3.4.	[6621] Vị thế mở hiện tại	28
2.3.5.	[6622] Danh sách lệnh đã khớp	29
2.3.6.	[6623] Lịch sử đặt lệnh trong ngày	29
2.3.7.	[6631] Lãi lỗ cộng dồn	30
2.4.	Lịch sử giao dịch phái sinh	30
2.4.1.	[6650] Lịch sử khớp lệnh	30
2.4.2.	[6651] Lịch sử mở vị thế	31
2.4.3.	[6652] Gọi ký quỹ	31
2.4.4.	[6653] Lịch sử đặt lệnh.....	32
2.4.5.	[6654] Lịch sử vị thế đóng trong ngày	32
2.5.	Tài khoản phái sinh	32
2.5.1.	[6670] Số dư tài khoản trong ngày	32
2.5.2.	[6672] Lịch sử thanh toán.....	33
2.5.3.	[6673] Thông tin tiền và chứng khoán ký quỹ TK phái sinh.....	33
2.5.4.	[6674] Giới hạn giao dịch.....	34
2.6.	Thông tin đầu tư.....	35
2.6.1.	[9430] Chuyển khoản nội bộ phái sinh.....	35
2.6.2.	[9440] Nộp ký quỹ phái sinh	35
2.6.3.	[9450] Rút ký quỹ phái sinh	36
3.	Đồ thị tổng hợp	37

A. HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT

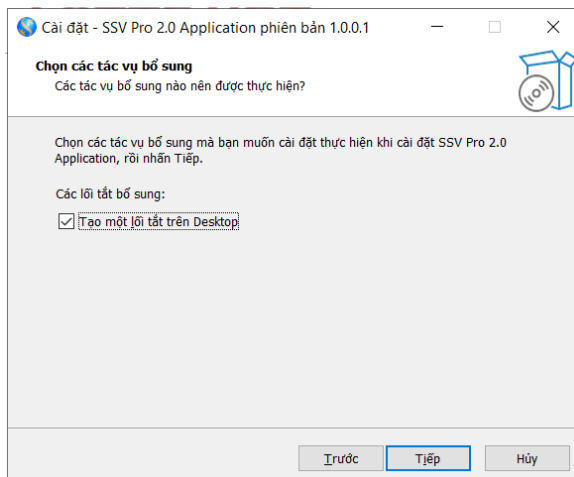
- a. Bước 0: Tải phần mềm HTS 2.0 tại link website của công ty
- b. Bước 1: Sau khi tải về máy tính, tiến hành giải nén file và cài đặt với quyền Administrator
Sau đó chọn ngôn ngữ khi thực hiện cài đặt chương trình như hình dưới



- c. Bước 2: Chọn thư mục để cài đặt sau đó nhấn vào *Tiếp*



- d. Bước 3: Check vào như hình bên dưới và click *Tiếp*



- e. Bước 5: MH hiển thị đường dẫn thư mục cài đặt. User nhấn Cài đặt
- f. Bước 6: MH hiển thị thông báo đã hoàn tất cài đặt ứng dụng. User nhấn vào Hoàn tất để kết thúc quá trình.

B. HƯỚNG DẪN ĐĂNG NHẬP HỆ THỐNG

- Mở ứng dụng trên Máy tính và đăng nhập bằng ID và mật khẩu của User được cung cấp khi tài khoản của User được thiết lập.
ID: Số tài khoản hoặc ID của nhân viên môi giới. ID phải được đăng ký trên hệ thống phải sinh trước khi đăng nhập ứng dụng.
Mật khẩu đăng nhập: mật khẩu đăng nhập trên các ứng dụng giao dịch chứng khoán cơ sở.
- Ngoài ra, User có thể chọn ngôn ngữ hoặc máy chủ trong tùy chọn “Cài đặt” như hình minh họa bên dưới.



• Login bằng OTP:

- Sau khi đăng nhập thành công bằng ID và mật khẩu của User, hệ thống sẽ yêu cầu thêm mã OTP đối với tài khoản đăng nhập là khách hàng.
- User nhập số OTP và nhấn vào nút “OK” trong ô cửa sổ đăng nhập để đăng nhập và sử dụng tất cả các chức năng ứng dụng (Tra cứu số dư, đặt lệnh mua/bán, tra cứu thông tin tài khoản, chuyển tiền, v.v.).
Nếu không nhập OTP, User có thể đánh dấu vào ô “Không cần đặt lệnh” để chỉ đăng nhập ứng dụng và vào xem các thông tin thị trường.

Ký hiệu	Diễn giải
1	Tìm/Nhập nhanh số màn hình tương ứng
2	Nhóm menu chính của chương trình
3	Tên các màn hình, có thể ẩn/hiện thông qua phần cài đặt bên dưới
4	Thanh công cụ, có thể ẩn/hiện thông qua phần cài đặt bên dưới
5	Các màn hình ảo, có thể tạm gọi là nhóm các MH thao tác, có thể thiết lập thông qua phần cài đặt bên dưới
6	Hỗ trợ đặt lệnh nhanh theo các cài đặt của người dùng
7	Thanh trạng thái thể hiện lệnh, chỉ số..., có thể ẩn/hiện thông qua phần cài đặt bên cạnh
8	Chức năng set up menu nhanh của người dùng, có thể chọn thao tác một số màn hình trong danh sách chọn mà k cần chọn trong nhóm menu chính
	Khung thể hiện dữ liệu chính của màn hình

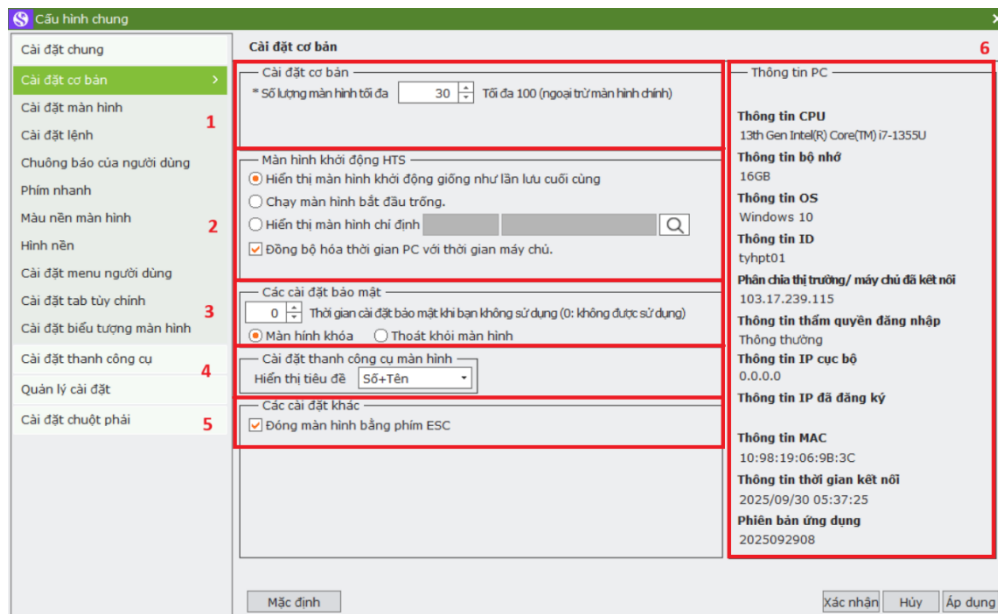
D. THIẾT LẬP CẤU HÌNH

1. Cấu hình

- Áp dụng: Tất cả các cấu hình khi thực hiện cài đặt đều phải nhấn áp dụng thì các thay đổi mới có hiệu lực, khi thay đổi cài đặt xong mà không nhấn áp dụng thì mọi thay đổi đều không có tác dụng.
- Mặc định: Mặc định các cài đặt chung của hệ thống
- Hủy: Sau khi thay đổi mà không muốn áp dụng những thay đổi đó nữa thì sẽ thực hiện hủy
- Xác nhận: Sau khi nhấn áp dụng thì xác nhận để thực hiện tắt màn hình cài đặt.

1.1.1. [0001] Cài đặt chung

1.1.1.1. [0001] Cài đặt cơ bản

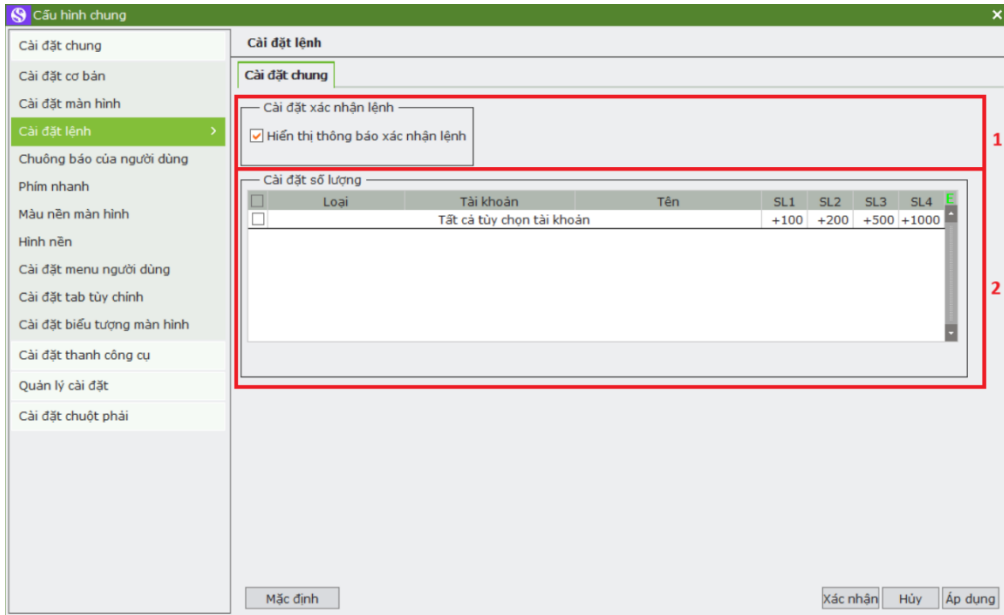


Ký hiệu	Diễn giải
1	Cài đặt cơ bản về số màn hình tối đa: Có thể quyết định số lượng cửa sổ có thể mở tối đa trong HTS. Có thể mở tối đa 100 màn hình hiển thị đồng thời với một màn hình ảo, cài đặt phạm vi ảo của mỗi mã cho màn hình ảo hiện tại hoặc tất cả
2	Cài đặt màn hình hiển thị khi khởi động HTS: hiển thị màn hình khởi động giống lần lưu cuối cùng, hiển thị màn hình chỉ định, hiển thị màn hình thông báo toàn thời gian, đồng bộ thời gian thực với máy chủ
3	Cài đặt bảo mật: cài đặt thời gian khi không sử dụng HTS, hệ thống sẽ khóa lại chức năng sử dụng hiện tại, có thể lựa chọn tắt HTS hoặc hiển thị màn hình khóa để khách hàng có thể đăng nhập lại khi khóa HTS.
4	Cài đặt thanh công cụ trên màn hình: hiển thị tiêu đề màn hình theo tên màn hình, số màn hình, tên và số màn hình...
5	Các cài đặt khác: đóng màn hình bằng phím Esc
6	Thông tin máy chủ đăng nhập

1.1.1.2. [0001] Cài đặt màn hình

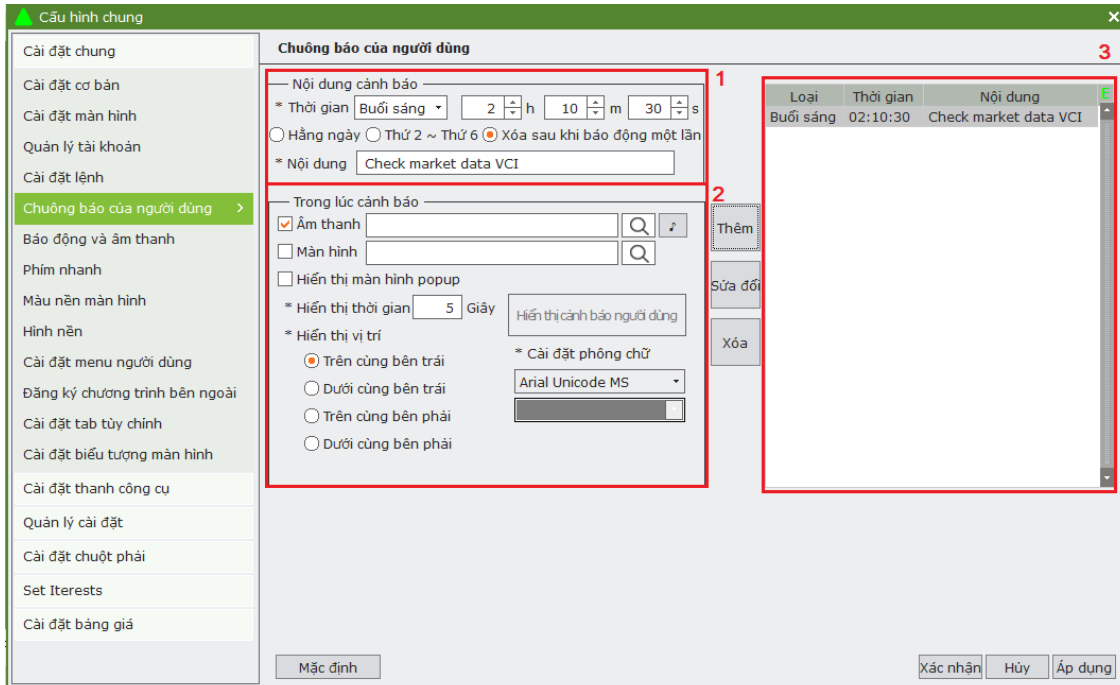
Ký hiệu	Diễn giải
1	Cài đặt phong chữ sử dụng cho HTS: cỡ chữ bình thường, lớn, nhỏ
2	Thanh công cụ màn hình ảo: cài đặt xem màn hình ảo rộng hơn, hiển thị màn hình ảo, hiển thị số màn hình ảo (tối đa là 10)....

1.1.1.3. [0001] và [0002] Cài đặt lệnh



Ký hiệu	Diễn giải
1	Chứng khoán đã xem : cài đặt các mã chứng khoán sẽ được vào danh sách xem trước khi vào màn hình đặt lệnh 5110 (Tối đa được chọn 6 mã CK)
2	Cài đặt số lượng: Có thể tăng, giảm số lượng khi đặt lệnh bằng các gợi ý được set up tại đây: Tối đa cài đặt được 8 số lượng tăng hoặc giảm.

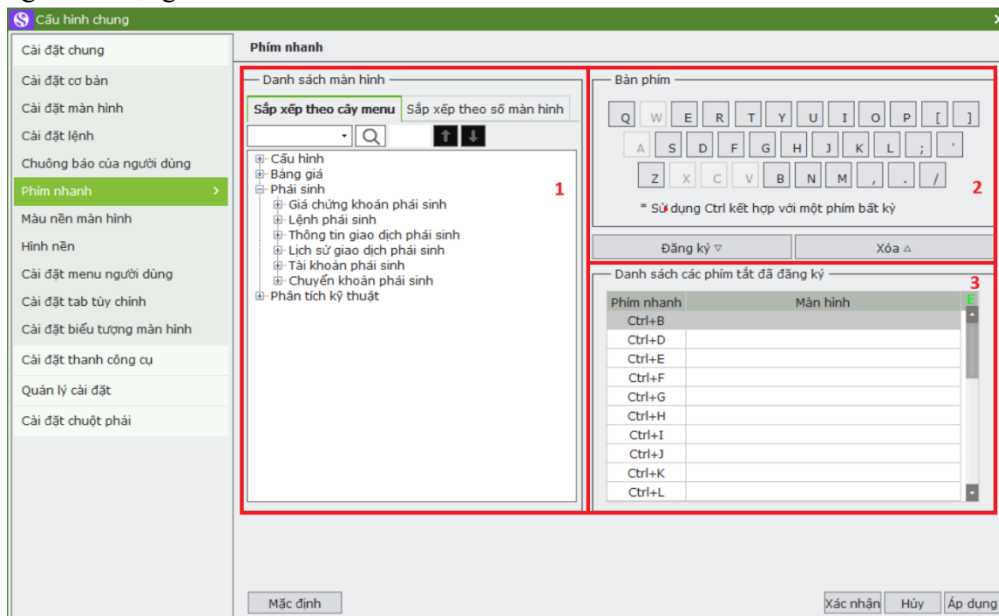
1.1.1.4. [0001] Chuông báo người dùng



Ký hiệu	Diễn giải
1	Cài đặt cảnh báo: thời gian nào, nội dung cảnh báo như thế nào
2	Cài đặt cảnh báo : âm thanh, màn hình hiển thị khi cảnh báo, hiện thị màn hình popup, vị trí hiển thị cảnh báo : trên cùng bên trái, dưới cùng bên trái, trên cùng bên phải, dưới cùng bên phải...
3	Sau khi cài đặt, click thêm để kết thúc cảnh báo thành công, sửa đổi, hoặc xóa cảnh báo Hiển thị nội dung cảnh báo

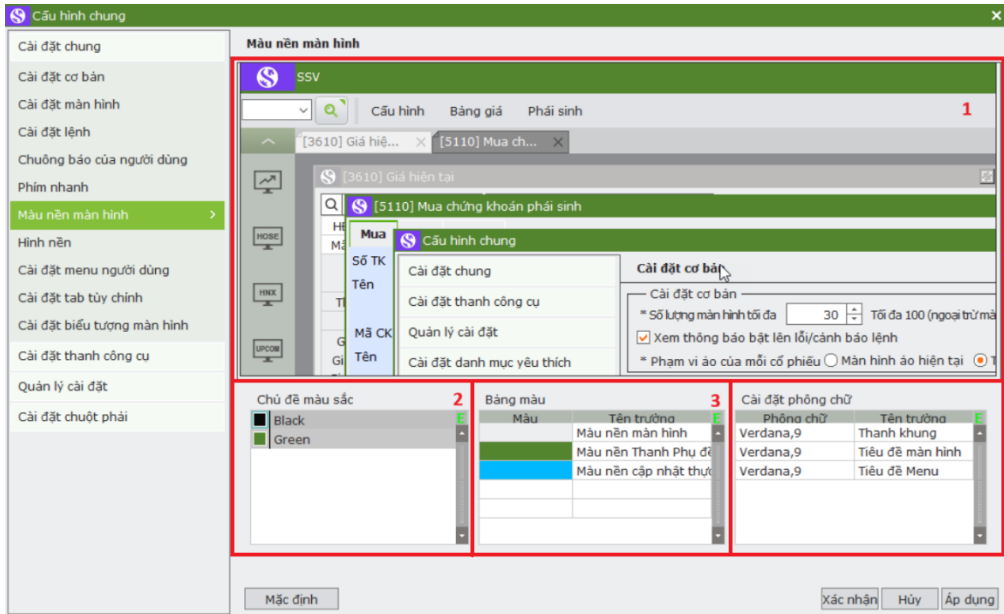
1.1.1.5. [0001] và [0005] Phím nhanh

Cài đặt phím tắt: Có thể mở màn hình nhanh chóng bằng cách tạo các hot key tương thích theo từng người sử dụng.



Ký hiệu	Diễn giải
1	Tìm kiếm màn hình sẽ đăng ký: Có thể tìm kiếm màn hình bằng cách tìm theo cách sắp xếp theo cây menu hoặc tìm kiếm theo cách sắp xếp theo số màn hình
2	<ul style="list-style-type: none"> - Danh sách các phím tắt có thể sử dụng - Sử dụng nút đăng ký, xóa đăng ký để thực hiện cài phím tắt - Sau khi thao tác sẽ hiển thị thông tin ở khối 3
3	Khởi thông tin đã đăng ký phím tắt

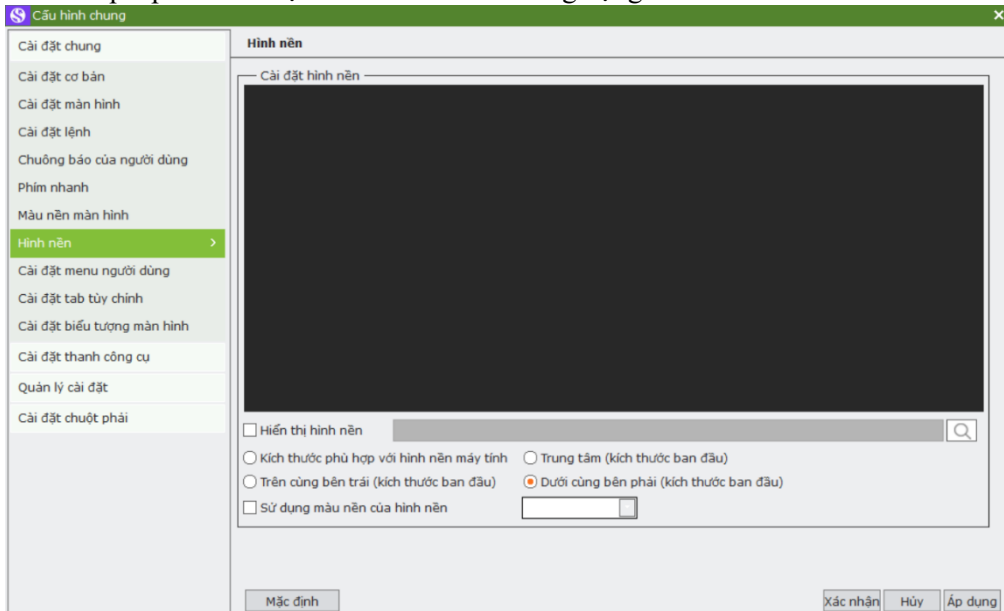
1.1.1.6. [0001] Màu nền màn hình



Ký hiệu	Diễn giải
1	Màu nền màn hình sau khi lựa chọn các màu ở chủ đề màu sắc 2
2	Danh sách các chủ đề trong hệ thống
3	Bảng màu theo chủ đề
4	Phông chữ của hệ thống: phông chữ theo tiêu đề, thanh khung...

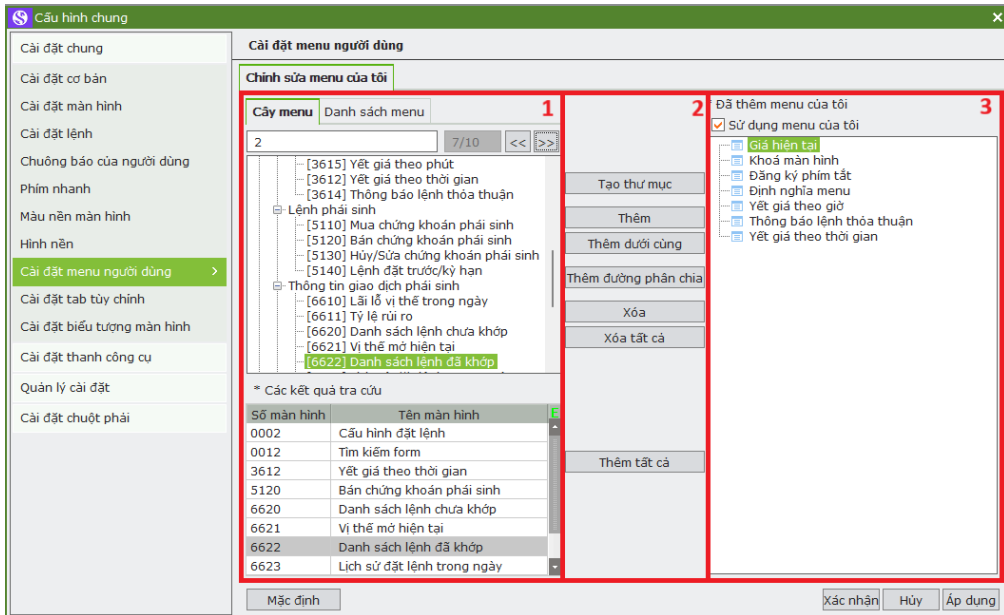
1.1.1.7. [0001] Hình nền

MH cho phép user cài đặt màn hình nền cho ứng dụng.

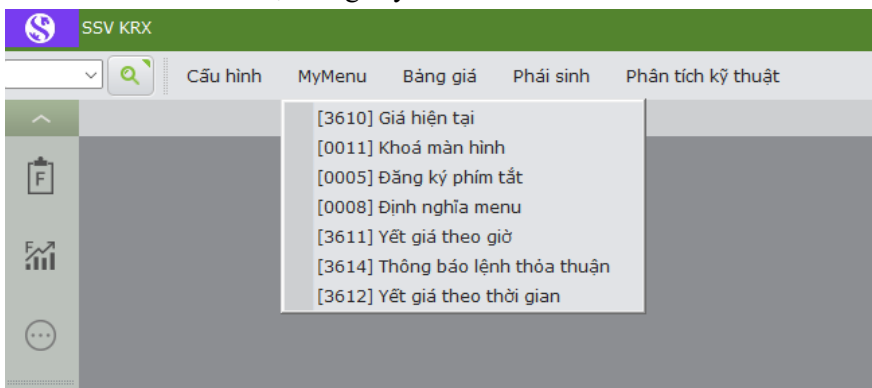


Ký hiệu	Diễn giải
	Cài đặt hình nền: kích thước phù hợp với nền của máy tính, hình nền ở vị trí trung tâm, hình nền ở góc trên cùng bên trái, hình nền dưới cùng bên phải ...

1.1.1.8. [0001] và [0008] Cài đặt menu người dùng

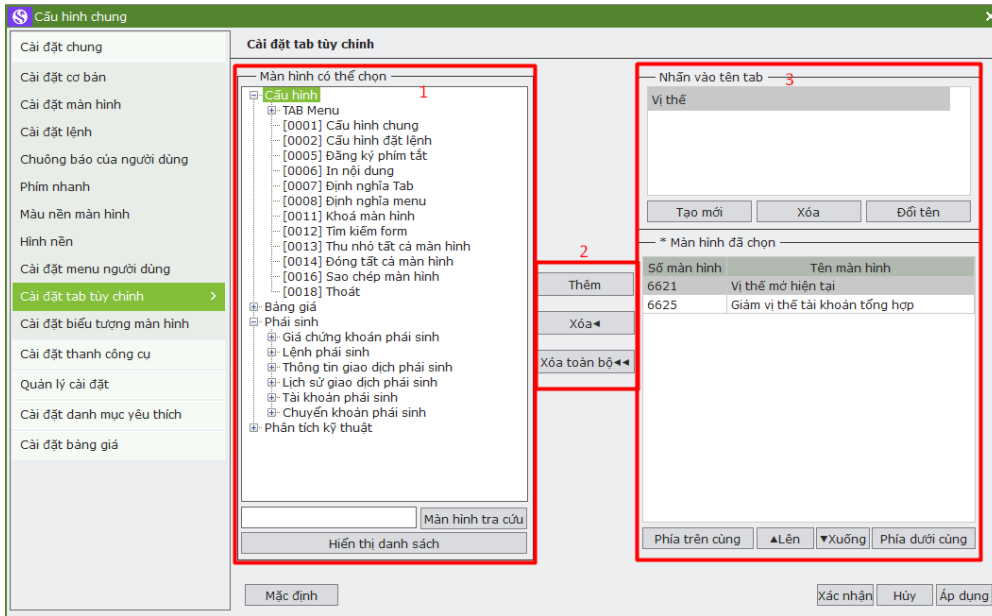


Màn hình sau khi cài đặt xong My menu:



Ký hiệu	Diễn giải
1	Danh sách màn hình lựa chọn để thêm vào menu tương ứng do User tự tạo ra: có thể tìm kiếm màn hình bằng cách nhập số màn hình hoặc chọn màn hình theo tab danh sách menu
2	Tạo tên thư mục menu Thêm, sửa, xóa nhóm menu mới và danh sách các màn hình được thêm vào từng nhóm menu, hoặc thêm tất cả các kết quả tra cứu vào danh sách menu của tôi
3	Khung thể hiện menu khi đăng ký, sửa, xóa
<< >>	Next các kết quả tra cứu tiếp theo trong danh sách tìm kiếm được
1/10	Tổng hợp kết quả tra cứu theo từng vị trí

1.1.1.9. [0001] và [0007] Cài đặt tab tùy chỉnh

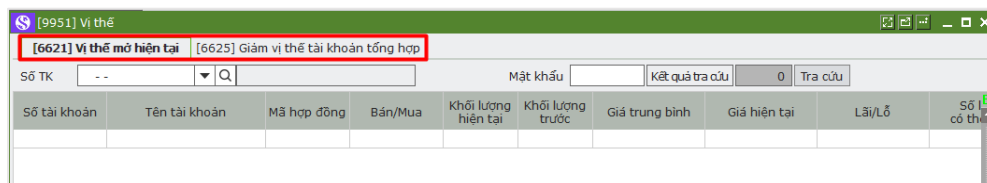
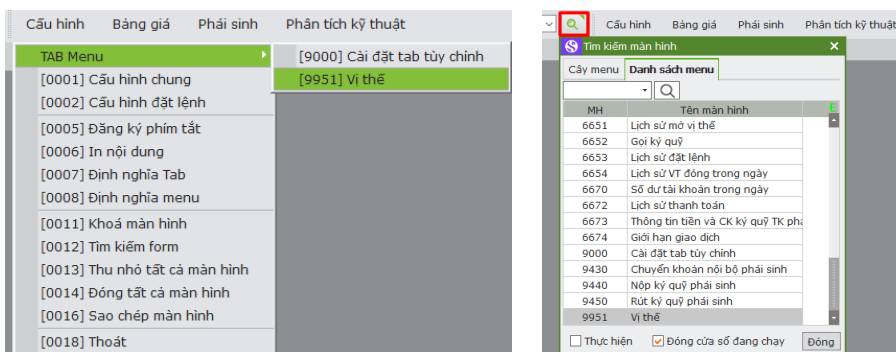


Ký hiệu	Diễn giải
1	Danh sách màn hình lựa chọn để thêm vào tab tương ứng do User tự tạo ra: có thể tìm kiếm màn hình bằng cách nhập số màn hình
2	Thêm, xóa danh sách màn hình đăng ký vào tab
3	1- Tab: Thêm mới, xóa, đổi tên tab 2- Danh sách màn hình đã đăng ký vào tab, có thể tùy chỉnh hiển thị màn hình trong các tab khác nhau: đẩy màn hình về phía trên cùng, lên, xuống, phía dưới cùng...

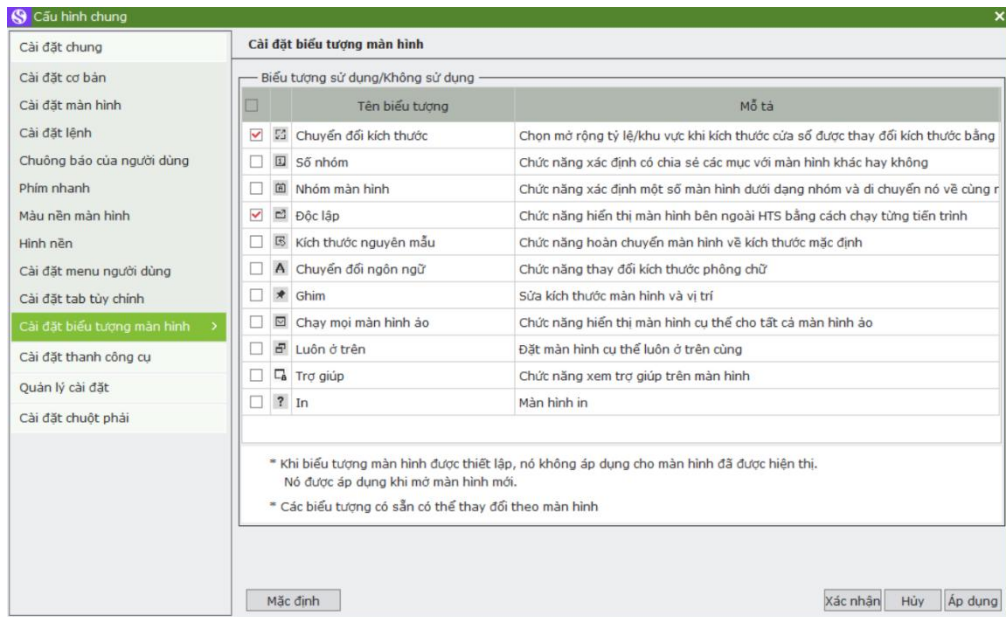
MH sau khi cài đặt: mặc định màn hình đầu tiên cài sẽ là [9951] gồm các màn hình con được gán vào là [6621] và [6625].

Lưu ý: chỉ khi login bằng user nhân viên mới có TAB menu.

Login bằng user khách hàng, xem ở mục tìm kiếm màn hình.

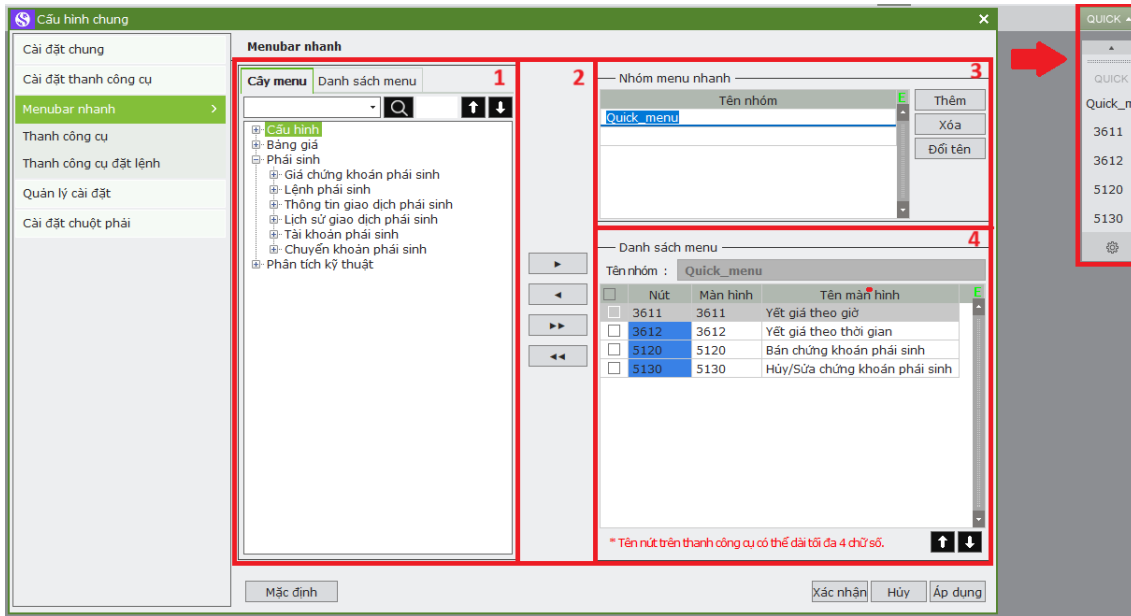


1.1.1.10. [0001] Cài đặt biểu tượng màn hình



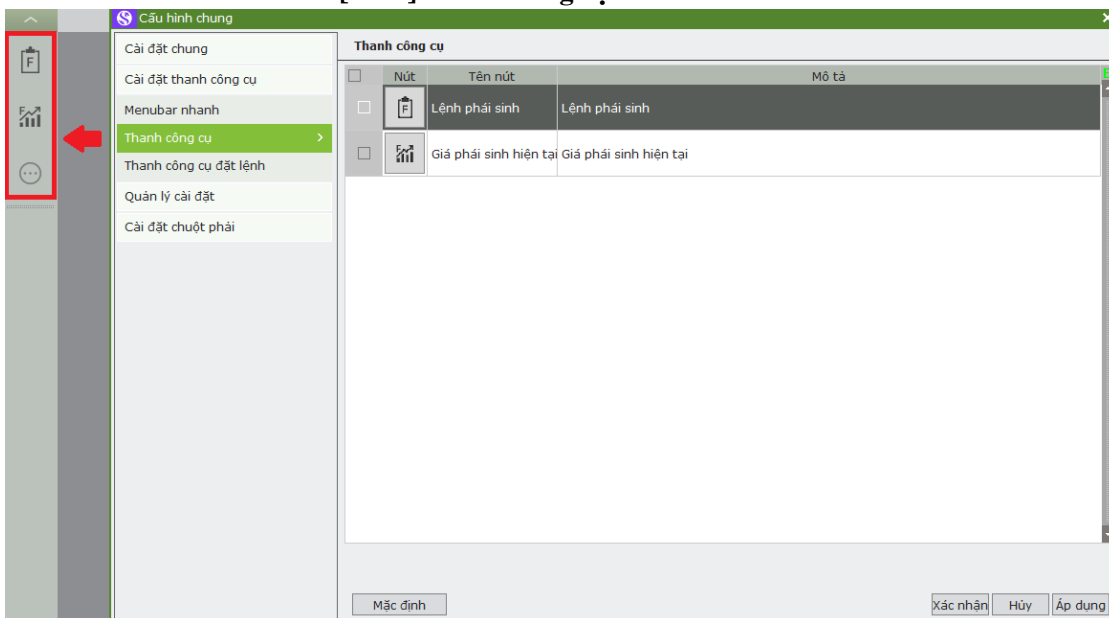
Ký hiệu	Diễn giải
	<p>Danh sách các biểu tượng có thể sử dụng khi mở một màn hình bất kỳ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Chuyển đổi kích thước:</i> cho phép cố định kích thước hoặc thay đổi kích thước khi chọn phóng to/thu nhỏ màn hình. - <i>Số nhóm:</i> cho phép gán các màn hình vào số nhóm, khi chọn mã hợp đồng thì các màn hình cùng nhóm sẽ tự cập nhật theo. - <i>Nhóm màn hình:</i> cho phép di chuyển về cùng một hướng đối với các MH có cùng nhóm - <i>Độc lập:</i> cho phép tách màn hình độc lập khỏi app. - <i>Kích thước nguyên mẫu:</i> cho phép cài đặt màn hình về kích thước chuẩn nguyên mẫu và không thay đổi kích thước. - <i>Chuyển đổi ngôn ngữ:</i> cho phép thay đổi kích thước chữ tương ứng với kích thước màn hình. - <i>Ghim:</i> cho phép ghim màn hình cố định và không được di chuyển. - <i>Chạy mọi màn hình ảo:</i> cho phép cài đặt màn hình hiển thị ở mọi màn hình ảo. - <i>Luôn ở trên:</i> cho phép cài đặt màn hình luôn hiển thị lên trên mặc dù có mở thêm nhiều màn hình khác. - <i>Trợ giúp:</i> Ở mọi màn hình khi click vào biểu tượng này sẽ dẫn đến đường link giải đáp thắc mắc của công ty. - <i>In:</i> cho phép in màn hình.

1.1.2. [0001] Cài đặt thanh công cụ
1.1.2.1. [0001] Menubar nhanh



Ký hiệu	Diễn giải
1	Danh sách màn hình lựa chọn để thêm vào menubar nhanh tương ứng do User tự tạo ra: có thể tìm kiếm màn hình bằng cách nhập số màn hình
2	Thêm, xóa màn hình khỏi nhóm menu bar nhanh
3	Nhóm menu nhanh, quick nhanh góc trên cùng bên phải của màn hình bao gồm: -Thêm mới, xóa, đổi tên nhóm menu
4	Danh sách màn hình đã đăng ký vào nhóm menu bar nhanh mà khách hàng đã lựa chọn.

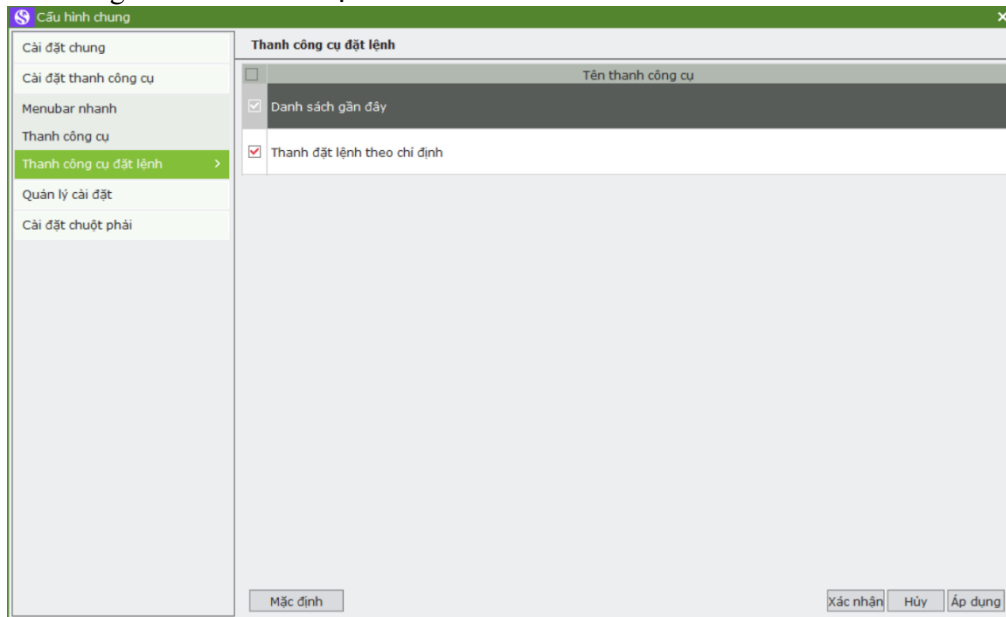
1.1.2.2. [0001] Thanh công cụ




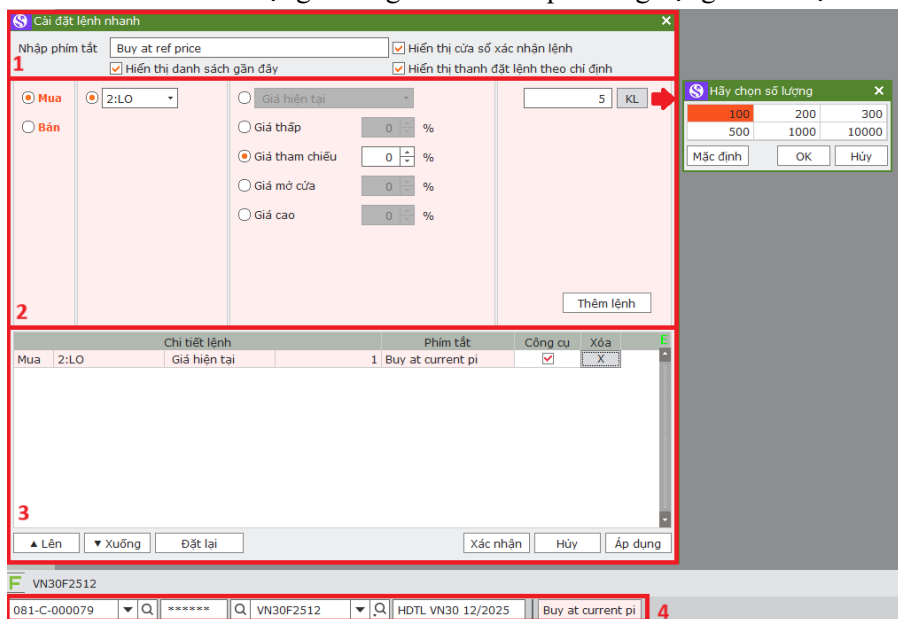
Ký hiệu	Diễn giải
	<ul style="list-style-type: none"> - Danh sách các chức năng trên thanh công cụ, thanh dọc phía bên trái của màn hình hệ thống: - Check box cho phép hiển thị danh sách chức năng biểu tượng này trên thanh dọc bên trái màn hình - Lựa chọn vào biểu tượng sẽ gọi tới trực tiếp chức năng: Giá hiện tại, đặt lệnh.

1.1.2.3. [0001] Cài đặt thanh công cụ đặt lệnh

MH cho phép user cài đặt hiển thị thanh công cụ để đặt lệnh nhanh ngay trên ứng dụng mà không cần mở các MH lệnh.



User nhấn vào biểu tượng  ở góc dưới bên phải ứng dụng để cài đặt trước các thuộc tính cho lệnh.

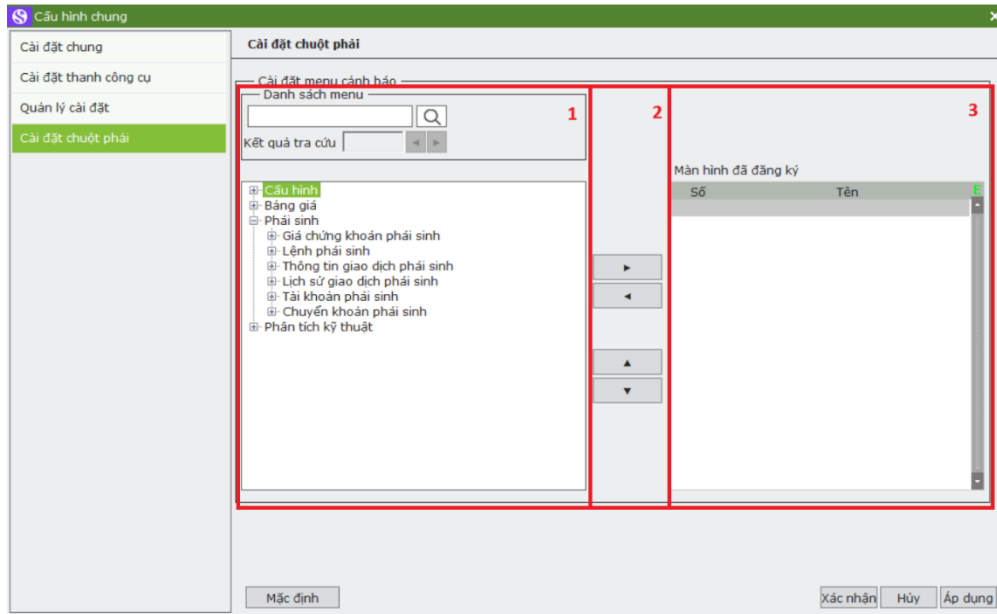


Ký hiệu	Diễn giải
1	<p>Cài đặt hiển thị cho phần đặt lệnh nhanh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhập phím tắt: đặt tên cho lệnh muốn cài đặt. - Hiển thị danh sách gần đây: hiển thị/ẩn các mã HD được thêm vào phần đặt lệnh nhanh gần đây. <p>F VN30F2512 VN30F2509</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiển thị cửa sổ xác nhận lệnh: hiển thị/ẩn MH xác nhận lệnh. - Hiển thị thanh đặt lệnh theo chỉ định: hiển thị/ẩn thanh đặt lệnh nhanh. <p>081-C-000079 Q ***** Q VN30F2512 Q HDTL VN30 12/2025 Buy at current pi</p>
2	<p>Cài đặt thuộc tính lệnh đặt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại lệnh: Mua/bán - Kiểu lệnh: LO - Giá lệnh: chọn đặt tại giá chỉ định hoặc cài đặt thay đổi theo các giá tương ứng. - KL lệnh: nhập KL lệnh hoặc click vào biểu tượng KL để chọn. - Nhấn Thêm lệnh để thêm cài đặt lệnh mới.
3	<p>Hiển thị các lệnh đã được cài đặt. User có thể xóa hoặc hiển thị/ẩn button đặt lệnh trên thanh công cụ đặt lệnh nhanh.</p>
4	<p>Hiển thị thông tin tài khoản và danh sách mã CK được thêm vào phần đặt lệnh nhanh gần đây. User nhấn vào biểu tượng tên cài đặt lệnh tương ứng để đặt lệnh:</p> <p>Buy at current pi</p>

1.1.3. [0001] Quản lý cài đặt

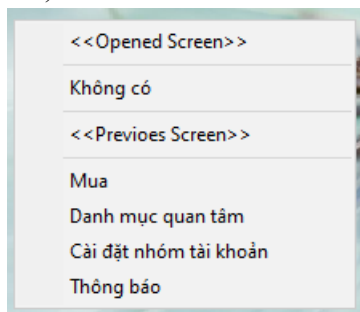


1.1.4. [0001] Cài đặt chuột phải



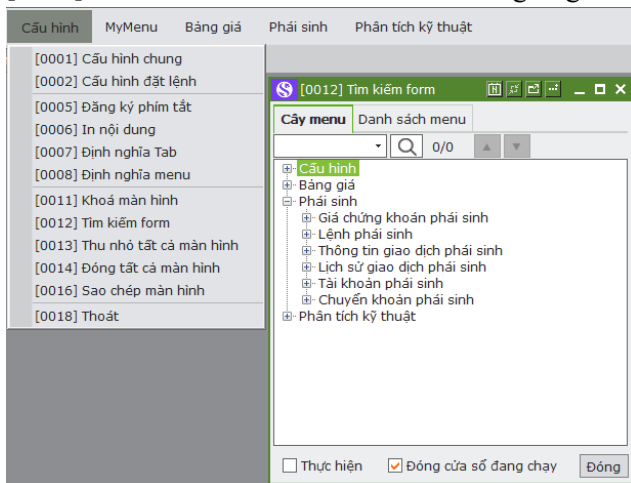
<i>Ký hiệu</i>	<i>Diễn giải</i>
1	<i>Tìm kiếm màn hình sẽ đăng ký: Có thể tìm màn hình bằng cách nhập tên màn hình</i>
2	<i>Thêm, xóa, thay đổi vị trí của màn hình đã đăng ký</i>
3	<i>Danh sách các MH được thêm vào khi click chuột phải</i>

Khi nhấn chuột phải : Danh sách các màn hình dưới cùng là danh sách các màn hình vừa thao tác (Vừa mở):



2. Các chức năng khác

- [0012] Tìm cửa sổ: Tìm các màn hình tương ứng mà User muốn



- [0006] In nội dung: In nội dung trên màn hình đang mở
- [0009] In cấu hình: In cấu hình màn hình đang mở
- [0016] Copy màn hình: Sao chép màn hình đang mở
- [0013] Thu nhỏ màn hình đang mở
- [0014] Đóng tất cả màn hình
- Ẩn hiện các thanh công cụ
- [0018] Thoát chương trình

E. CHỨC NĂNG CHI TIẾT

1. Bảng giá

1.1. [1140] Bảng giá phái sinh

- Là màn hình có thể xem giá trực tuyến phái sinh của tất cả các hợp đồng gồm chỉ số và trái phiếu.



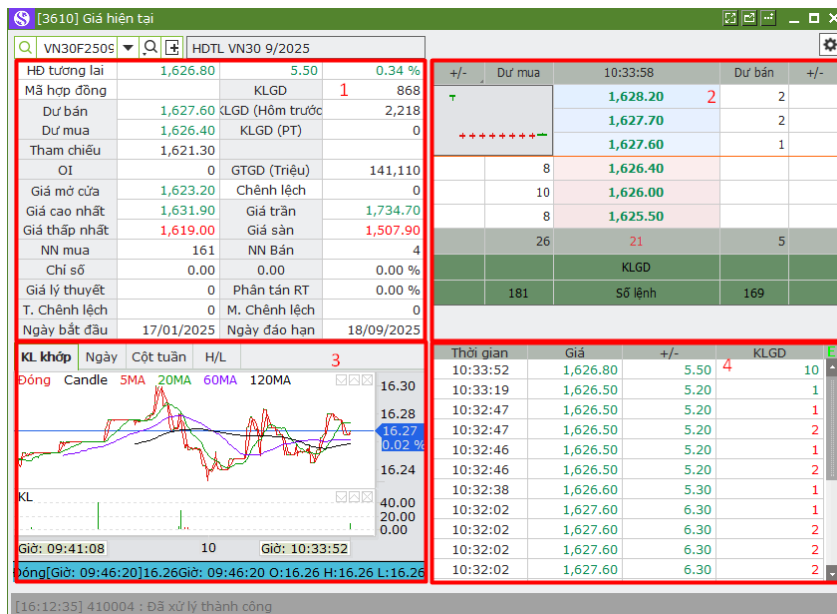
Ký hiệu	Diễn giải
1	Khung thể hiện thay đổi của chỉ số VN30 theo từng phiên trong ngày.
2	Khung thể hiện thông tin thị trường của các mã hợp đồng. User có thể double click để chuyển đến MH 3610 và đồng bộ mã HD cho phần đặt lệnh nhanh ở thanh công cụ đặt lệnh.




2. Phái sinh

2.1. Giá chứng khoán phái sinh

2.1.1. [3610] Giá hiện tại

Màn hình cho phép tra cứu giá hiện tại của các mã phái sinh và giá dư mua/dư bán ở phía bên phải màn hình, thông tin khớp lệnh, đồ thị, thông tin thị trường.



Ký hiệu	Diễn giải
1	Thông tin giá: User có thể tra cứu được các thông tin giá trong ngày như giá cao nhất, giá thấp nhất, giá mở cửa, tỉ lệ tăng giảm, lượng giao dịch, giá hiện thời của danh mục được chọn để tra cứu
2	Thông tin dư mua/dư bán, thông tin công ty, thông tin quyền liên quan mã hợp đồng đang xem
3	Các đồ thị KL khớp, theo ngày, tuần, giá cao nhất/thấp nhất
4	DS khớp lệnh trong ngày của CP đã chọn
	Tìm mã cổ phiếu cần xem
	Hiển thị các mã tra cứu gần nhất
	Chọn xem các mã CP trong danh sách mã trước đó

2.1.2. [3611] Yết giá theo giờ

Màn hình cho phép tra cứu danh sách giá, khối lượng theo thời gian. Có thể click vào nút Biểu đồ để chuyển sang xem chart tương ứng với giá theo thời gian.



Thời gian	Giá hiện tại	+/-	%Thay đổi	KLGD	Tổng KLGD	Giá mở cửa	Giá cao nhất	Giá thấp nhất
10:33:52	1,626.80	5.50	0.34	10	868	1,623.20	1,631.90	1,619.00
10:33:19	1,626.50	5.20	0.32	1	858	1,623.20	1,631.90	1,619.00
10:32:47	1,626.50	5.20	0.32	1	857	1,623.20	1,631.90	1,619.00
10:32:47	1,626.50	5.20	0.32	2	856	1,623.20	1,631.90	1,619.00
10:32:46	1,626.50	5.20	0.32	1	854	1,623.20	1,631.90	1,619.00
10:32:46	1,626.50	5.20	0.32	2	853	1,623.20	1,631.90	1,619.00
10:32:38	1,626.60	5.30	0.33	1	851	1,623.20	1,631.90	1,619.00
10:32:02	1,627.60	6.30	0.39	1	850	1,623.20	1,631.90	1,619.00
10:32:02	1,627.60	6.30	0.39	2	849	1,623.20	1,631.90	1,619.00
10:32:02	1,627.60	6.30	0.39	2	847	1,623.20	1,631.90	1,619.00
10:32:02	1,627.60	6.30	0.39	2	845	1,623.20	1,631.90	1,619.00
10:32:01	1,627.60	6.30	0.39	1	843	1,623.20	1,631.90	1,619.00
10:31:51	1,627.60	6.30	0.39	1	842	1,623.20	1,631.90	1,619.00
10:31:48	1,627.60	6.30	0.39	1	841	1,623.20	1,631.90	1,619.00
10:31:38	1,628.00	6.70	0.41	1	840	1,623.20	1,631.90	1,619.00
10:31:37	1,628.00	6.70	0.41	2	839	1,623.20	1,631.90	1,619.00
10:31:37	1,628.00	6.70	0.41	2	837	1,623.20	1,631.90	1,619.00

[16:22:21] 360020 : Đã xử lý thành công

2.1.3. [3615] Yết giá theo phút

Xem thông tin khớp lệnh cổ phiếu theo tùy chọn thời gian 1 – 5 – 10 – 30 phút. Tiêu chí lựa chọn cổ phiếu giống màn hình 3610

[3615] Yết giá theo phút




Q VN30F2509 HDTL VN30 9/2025 1 Phút 5 Phút 10 Phút 30 Phút

Thời gian	Giá hiện tại	+/-	Tỷ lệ %	KLGD	GTGD	Giá mở cửa	Giá cao nhất	Giá thấp nhất
09:03:00	1,622.20	0.90	0.06	15	243,267.00	1,622.00	1,622.20	1,621.00
09:02:00	1,623.20	1.90	0.12	6	97,409.00	1,623.80	1,624.30	1,623.20
09:01:00	1,621.70	0.40	0.02	19	292,102.00	1,623.20	1,623.20	1,621.50
09:00:00	1,621.30	0.00	0.00	0	0.00	1,621.30	1,621.30	1,621.30

[16:30:29] 360015 : Đã xử lý thành công

2.1.4. [3612] Yết giá theo thời gian

Xem thông tin khớp lệnh hợp đồng theo thời gian trong quá khứ. Tiêu chí lựa chọn cổ phiếu giống màn hình 3610.

Ký hiệu	Diễn giải
1	Tiêu chí chọn cổ phiếu tương tự MH 3610
2	Xem thông tin giá hiện tại hoặc đồ thị tương ứng
3	Thống kê theo ngày/tuần/tháng
	Tìm mã cổ phiếu cần xem
	Hiển thị các mã đã tra cứu gần nhất
	Chọn xem các mã CP trong danh sách mã trước đó

[3612] Yết giá theo thời gian

Q VN30F2509 HDTL VN30 9/2025 1 2 Giá hiện tại Biểu đồ 01/09/2025

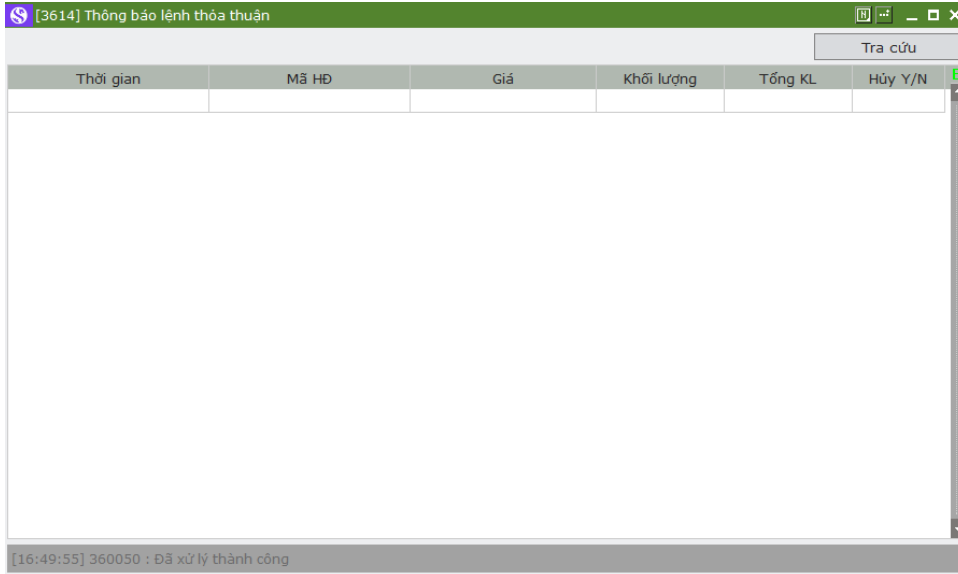
Theo ngày Theo tuần Theo tháng 3

Ngày	Giá hiện tại	+/-	Tỷ lệ %	KLGD	Giá mở cửa	Giá cao nhất	Giá thấp nhất
01/09/2025	1,612.30	-9.00	-0.56	2,218	1,623.20	1,631.90	1,595.90
29/08/2025	1,612.30	-9.00	-0.56	2,218	1,623.20	1,631.90	1,595.90
28/08/2025	1,862.90	16.50	0.89	382,331	1,848.50	1,865.00	1,826.00
27/08/2025	1,846.40	-5.60	-0.30	364,854	1,858.80	1,869.60	1,843.10
26/08/2025	1,852.00	69.00	3.87	375,380	1,776.00	1,852.00	1,772.50
25/08/2025	1,783.00	-22.00	-1.22	385,400	1,820.10	1,825.00	1,773.20
22/08/2025	1,805.00	-59.50	-3.19	549,035	1,859.00	1,859.90	1,781.30
21/08/2025	1,864.50	49.30	2.72	53,949	1,823.10	1,870.00	1,820.00
20/08/2025	1,815.20	-1.80	-0.10	31,048	1,808.10	1,819.50	1,760.60
19/08/2025	1,817.00	39.00	2.19	10,701	1,778.40	1,823.50	1,776.30
18/08/2025	1,778.00	3.60	0.20	4,160	1,781.90	1,782.50	1,763.50
15/08/2025	1,774.40	-5.60	-0.31	3,769	1,795.00	1,801.20	1,761.60
14/08/2025	1,780.00	41.10	2.36	2,841	1,741.00	1,780.00	1,741.00
13/08/2025	1,738.90	1.00	0.06	2,105	1,746.00	1,748.00	1,715.00
12/08/2025	1,737.90	10.00	0.63	1,154	1,727.50	1,740.00	1,725.00

[16:45:59] 410001 : Đã xử lý thành công

2.1.5. [3614] Thông báo lệnh thỏa thuận

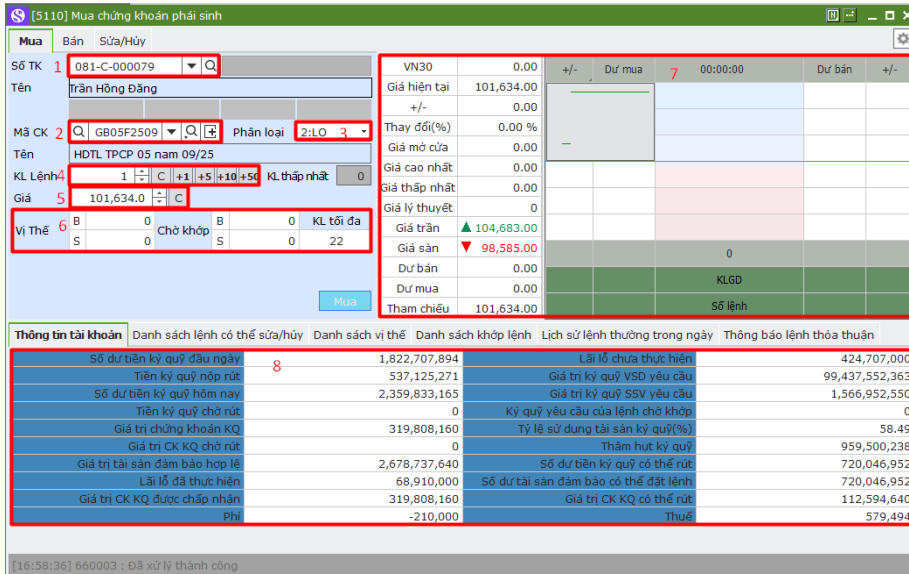
Màn hình cho phép tra cứu thông tin các lệnh thỏa thuận.



2.2 Lệnh phái sinh

2.2.1. [5110] Mua chứng khoán phái sinh

Màn hình này dùng để giao dịch chứng khoán phái sinh. Bao gồm các chức năng đặt Lệnh thường Mua/Bán/Hủy/Sửa. Bên trái màn hình dùng để đặt lệnh. Bên phải hiển thị các thông tin thị trường và các giá khớp. Mục bên dưới hiển thị khối lượng có thể mua và trạng thái khớp lệnh.

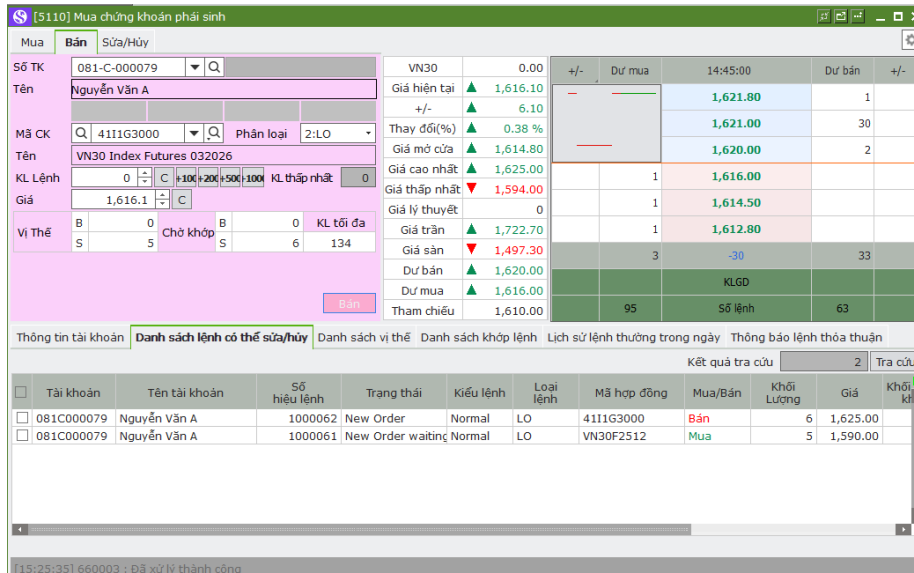


Thông tin tài khoản		Danh sách lệnh có thể sửa/hủy	Danh sách vị thế	Danh sách khớp lệnh	Lịch sử lệnh thường trong ngày	Thông báo lệnh thỏa thuận
Số dư tiền ký quỹ đầu ngày	8	1,822,707,894			Lãi lỗ chưa thực hiện	424,707,000
Tiền ký quỹ nộp rút		537,125,271			Giá trị ký quỹ VSD yêu cầu	99,437,552,363
Số dư tiền ký quỹ hôm nay		2,359,833,165			Giá trị ký quỹ SSV yêu cầu	1,566,952,550
Tiền ký quỹ chờ rút		0			Kỳ quỹ yêu cầu của lệnh chờ khớp	0
Giá trị chứng khoán KQ		319,808,160			Tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ(%)	58.49
Giá trị CK KQ chờ rút		0			Thâm hụt kỳ quỹ	959,500,238
Giá trị tài sản đảm bảo hợp lệ		2,678,737,640			Số dư tiền ký quỹ có thể rút	720,046,952
Lãi lỗ đã thực hiện		68,910,000			Số dư tài sản đảm bảo có thể đặt lệnh	720,046,952
Giá trị CK KQ được chấp nhận		319,808,160			Giá trị CK KQ có thể rút	112,594,640
Phí		-210,000			Thuế	579,494

2.2.2. [5120] Bán chứng khoán phái sinh

Ký hiệu	Diễn giải
1	Lựa chọn tài khoản đặt lệnh
2	Thông tin mã hợp đồng
3	Loại lệnh tương ứng: LO, ATO, ATC, MAK, MOK, MTL
4	<p>Khối lượng đặt lệnh tăng giảm theo cài đặt lệnh phần cấu hình kế bên.</p> <p>C: Clear – xóa KL đã nhập</p> <p>+1: tăng 1 hợp đồng so với KL lệnh</p> <p>+5: tăng 5 hợp đồng so với KL lệnh</p> <p>+10: tăng 10 hợp đồng so với KL lệnh</p> <p>+50: tăng 50 hợp đồng so với KL lệnh</p>
5	<p>Nhập giá mua/bán tương ứng.</p> <p>C: Clear – xóa Giá đã nhập</p>
6	<p>Vị thế: Số lượng vị thế đang nắm giữ của tài khoản.</p> <p>Chờ khớp: Số lượng vị thế đang chờ khớp lệnh.</p>
7	Thông tin giá hiện tại, dư mua dư bán, thông tin khớp lệnh và quyền của mã CP đang nhập
8	<p>Thông tin tài khoản: thể hiện các giá trị tài sản của khách hàng.</p> <p>Danh sách lệnh có thể hủy/sửa: hiển thị các lệnh chưa khớp có thể hủy/sửa.</p> <p>Danh sách vị thế: hiển thị các vị thế theo từng mã hợp đồng mà tài khoản đang nắm giữ.</p> <p>Danh sách khớp lệnh: các lệnh đã khớp trong ngày.</p> <p>Lịch sử lệnh thường trong ngày: các lệnh đã đặt trong ngày.</p> <p>Thông báo lệnh thỏa thuận: danh sách các mã có giao dịch thỏa thuận (dữ liệu nhận từ sở).</p>

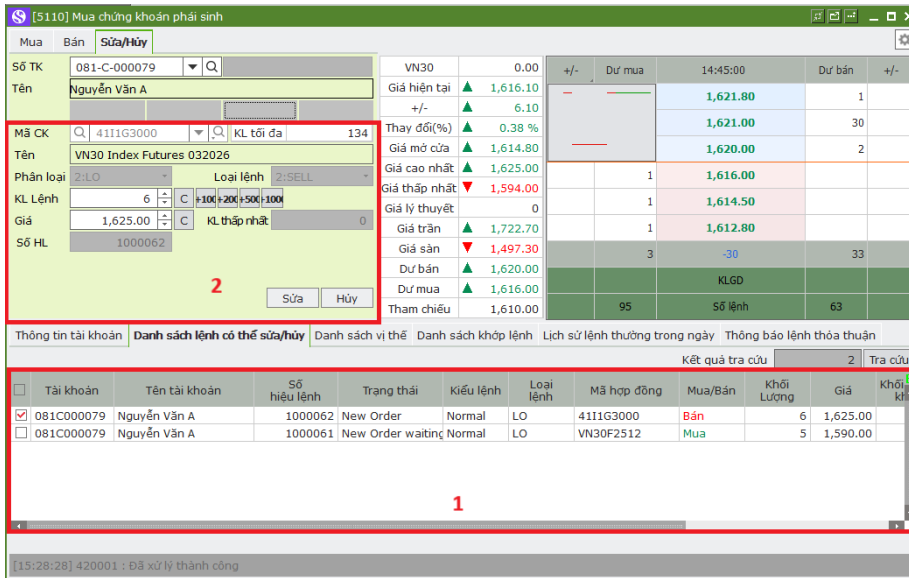
Tương tự màn hình mua 5110.



Tài khoản	Tên tài khoản	Số hiệu lệnh	Trạng thái	Kiểu lệnh	Loại lệnh	Mã hợp đồng	Mua/Bán	Khối Lượng	Giá	Khởi
<input type="checkbox"/>	081C000079	Nguyễn Văn A	1000062	New Order	Normal	LO	4111G3000	Bán	6	1,625.00
<input type="checkbox"/>	081C000079	Nguyễn Văn A	1000061	New Order waiting	Normal	LO	VN30F2512	Mua	5	1,590.00

2.2.3. [5130] Sửa/Hủy chứng khoán phái sinh

Chức năng sửa lệnh (giá/khối lượng) chỉ áp dụng với các lệnh chưa khớp hoặc khớp 1 phần, trong phiên khớp lệnh liên tục.



Tài khoản	Tên tài khoản	Số hiệu lệnh	Trạng thái	Kiểu lệnh	Loại lệnh	Mã hợp đồng	Mua/Bán	Khối Lượng	Giá	Khối giá
<input checked="" type="checkbox"/>	081C000079	Nguyễn Văn A	1000062	New Order	Normal	LO	4111G3000	Bán	6	1,625.00
<input type="checkbox"/>	081C000079	Nguyễn Văn A	1000061	New Order waiting	Normal	LO	VN30F2512	Mua	5	1,590.00

Ký hiệu	Diễn giải
1	Tick chọn vào lệnh cần sửa trong tab lệnh chưa khớp. Thông tin lệnh sẽ được tự động điền vào mục 2
2	Nhập giá và khối lượng tương ứng muốn sửa. Sau đó click nút “Sửa”

2.2.2. [5140] Lệnh đặt trước/kỳ hạn

Chức năng cho phép đặt lệnh trước vào 1 ngày cụ thể hoặc 1 giai đoạn không quá 30 ngày. Hệ thống không kiểm tra điều kiện về giá, khả năng đặt lệnh khi đặt loại lệnh này.

- **Các bước đặt lệnh:**

Bước 1: Nhập số tài khoản

Bước 2: Nhập mã hợp đồng

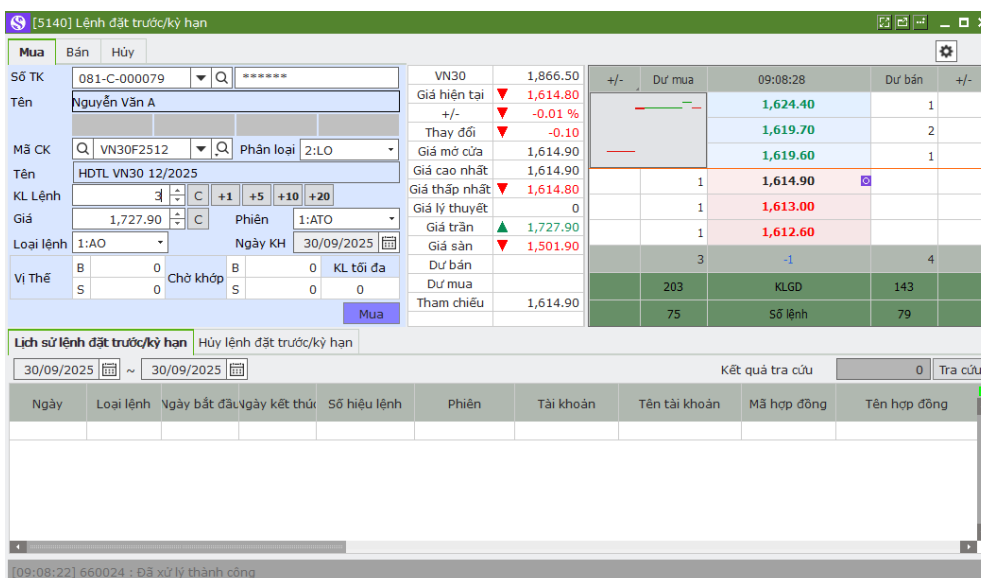
Bước 3: Chọn phân loại lệnh (LO, ATO, ATC, ...), nhập giá/KL lệnh.

Bước 4: Chọn loại lệnh cần đặt: lệnh đặt trước (AO) / lệnh kỳ hạn (CAO)

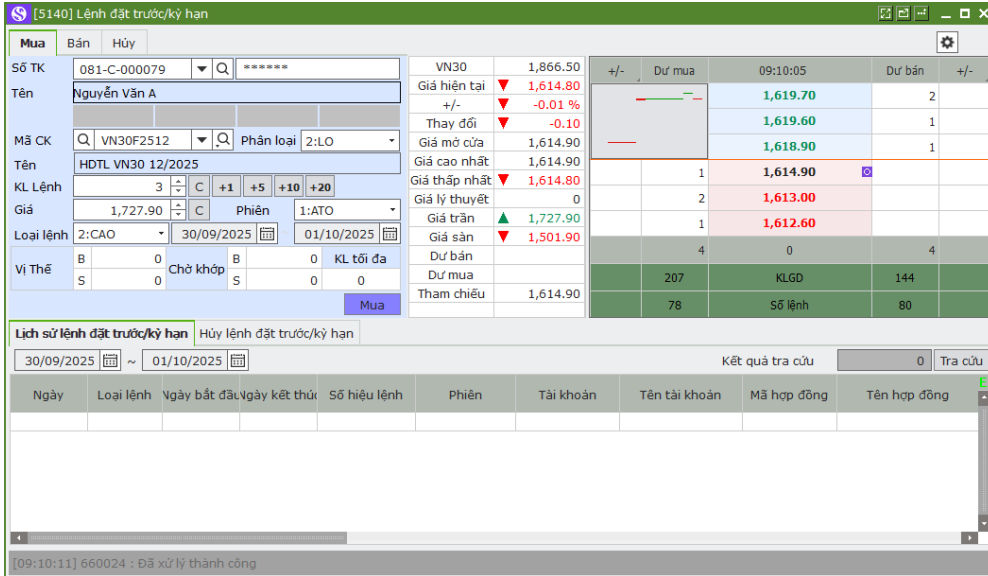
Bước 5: Chọn ngày, phiên muốn đẩy lệnh.

Bước 6: Nhấn Mua/Bán để gửi lệnh vào hệ thống. Lệnh sẽ được đẩy vào đúng phiên của ngày user đã đặt nếu thỏa các điều kiện về giá, khả năng đặt lệnh, khối lượng, ...

Bước 7: Tra cứu lại lệnh đã đặt tại tab ‘Lịch sử lệnh đặt trước/kỳ hạn’.



Ngày	Loại lệnh	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Số hiệu lệnh	Phiên	Tài khoản	Tên tài khoản	Mã hợp đồng	Tên hợp đồng



- ***Các bước hủy lệnh:**

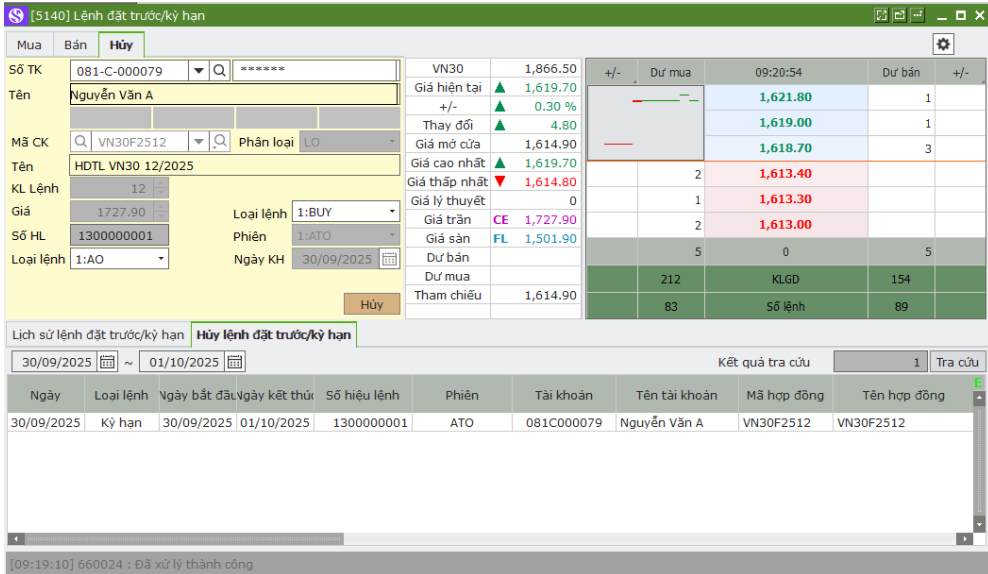
Hệ thống chỉ cho phép user hủy lệnh đối với loại lệnh này

Bước 1: Chọn tab ‘Hủy lệnh đặt trước/kỳ hạn’

Bước 2: Click vào lệnh cần hủy. Hệ thống hiển thị thông tin lệnh hủy ở trên.

Bước 3: Nhấn Hủy để hủy lệnh.

Bước 4: Tra cứu lại lệnh đã hủy tại tab ‘Lịch sử lệnh đặt trước/kỳ hạn’.



2.3 Thông tin giao dịch phái sinh

2.3.1. [6610] Lãi lỗ vị thế trong ngày

Màn hình cho phép tra cứu giá trị lãi lỗ vị thế dựa trên giá hiện tại (giá đóng cửa) của tài khoản.

Không chỉ hiển thị lãi lỗ của lãi lỗ thực đã được ghi nhận của tài khoản, màn hình còn cho biết lãi lỗ theo thời gian thực cùng với phí, thuế và lãi lỗ rỗng của các vị thế đang mở trên tài khoản của khách hàng.

[6610] Lãi lỗ vị thế trong ngày

Số TK: 081-C-000079 Nguyễn Văn A


Kết quả tra cứu: 3 Tra cứu

26/09/2025 ~ 26/09/2025

Vị thế đóng mua	1	Vị thế mở mua	19	Phí	20,000
Vị thế đóng bán	1	Vị thế mở bán	10	Thuế	97,200
Lãi lỗ đã thực hiện	510,000	Lãi lỗ chưa thực hiện	5,110,000		
Lãi/lỗ ròng	392,800	Tổng lãi lỗ ròng	5,502,800		

Số tài khoản	Tên tài khoản	Mã hợp đồng	Giá hiện tại	Vị thế đóng		Lãi lỗ đã thực hiện	Phí	Thuế	Lãi lỗ ròng	Vị thế mở		Lãi lỗ chưa thực hiện	Tổng lãi lỗ ròng
				Mua	Bán					Mua	Bán		
081C000079	Nguyễn Văn A	GB10F2512	113,881	0	0	0	0	0	0	0	5	0	0
081C000079	Nguyễn Văn A	411IG3000	1,616	0	0	0	0	0	0	0	5	-3,050,000	-3,050,000
081C000079	Nguyễn Văn A	VN30F2512	1,620	1	1	510,000	20,000	97,200	392,800	19	0	8,160,000	8,552,800

[15:29:02] 660010 : Đã xử lý thành công

Ký hiệu	Diễn giải
1	Thông tin tìm kiếm: số tài khoản, khoản thời gian cần tra cứu
2	Thông tin tổng về vị thế và lãi lỗ đã giao dịch trong khoảng thời gian tra cứu
3	Thông tin về vị thế và lãi lỗ của từng hợp đồng
	Scroll down chuột để tra cứu tiếp dữ liệu khi vượt quá 20 dòng

2.3.2. [6611] Tỷ lệ rủi ro

Màn hình cho phép tra cứu tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ của tài khoản, khách hàng dựa vào đó để lên kế hoạch sử dụng hợp lý tài sản ký quỹ.


[6611] Tỷ lệ rủi ro

Số TK: 081-C-000079 Nguyễn Văn A

Tổng: 1 Tra cứu

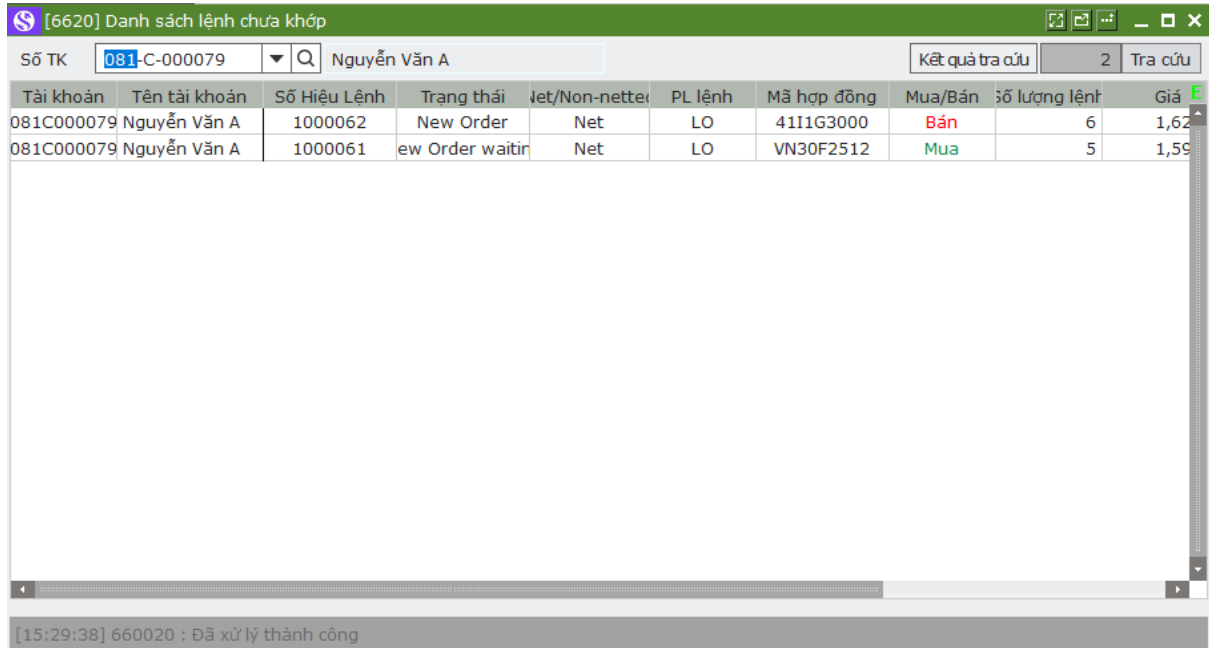
Số tài khoản	Tên tài khoản	Tài sản đảm bảo hợp lệ	Ký quỹ ban đầu	Lãi lỗ	Ký quỹ song hành	Ký chuy
081C000079	Nguyễn Văn A	6,014,916,449	802,979,750	5,492,000	0	

[15:29:20] 660011 : Đã xử lý thành công


Ký hiệu	Diễn giải
1	Thông tin tìm kiếm: số tài khoản
2	Thông tin chi tiết về tài sản ký quỹ của tài khoản
	Scroll down chuột để tra cứu tiếp dữ liệu khi vượt quá 20 dòng

2.3.3. [6620] Danh sách lệnh chưa khớp

Màn hình cho phép tra cứu thông tin lệnh chưa khớp và khớp 1 phần

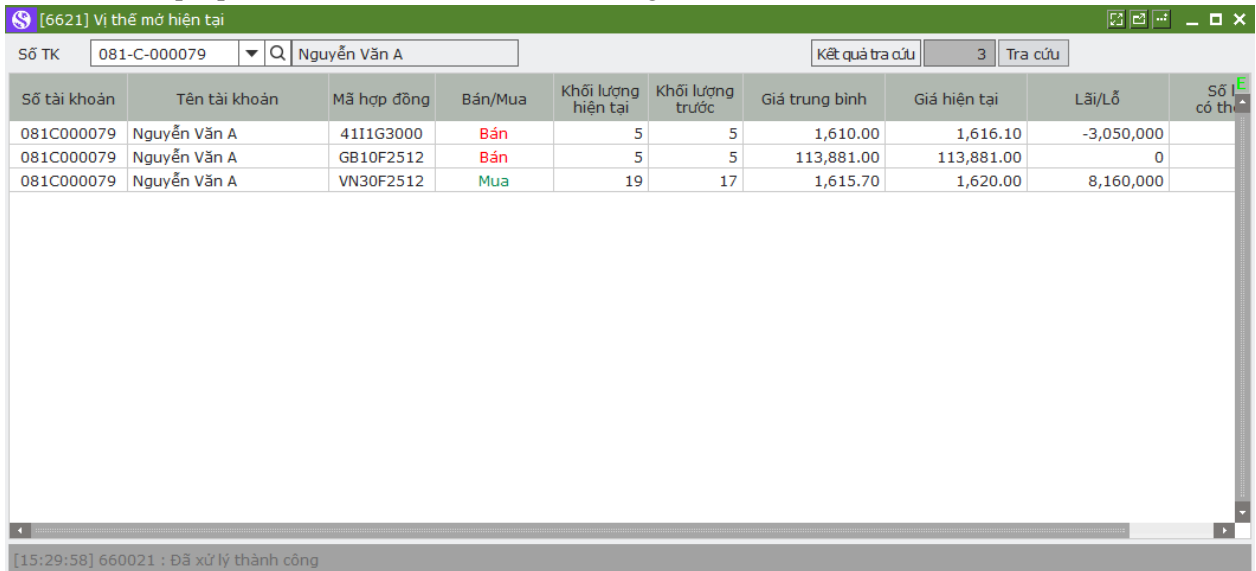


Tài khoản	Tên tài khoản	Số Hiệu Lệnh	Trạng thái	Net/Non-netter	PL lệnh	Mã hợp đồng	Mua/Bán	số lượng lệnh	Giá
081C000079	Nguyễn Văn A	1000062	New Order	Net	LO	4111G3000	Bán	6	1,62
081C000079	Nguyễn Văn A	1000061	ew Order waitir	Net	LO	VN30F2512	Mua	5	1,59


Ký hiệu	Diễn giải
1	Thông tin tìm kiếm: số tài khoản
2	Thông tin chi tiết về danh sách lệnh chưa khớp của tài khoản
	Scroll down chuột để tra cứu tiếp dữ liệu khi vượt quá 20 dòng

2.3.4. [6621] Vị thế mở hiện tại

Màn hình cho phép tra cứu danh sách vị thế khách hàng sở hữu ở thời điểm hiện tại.

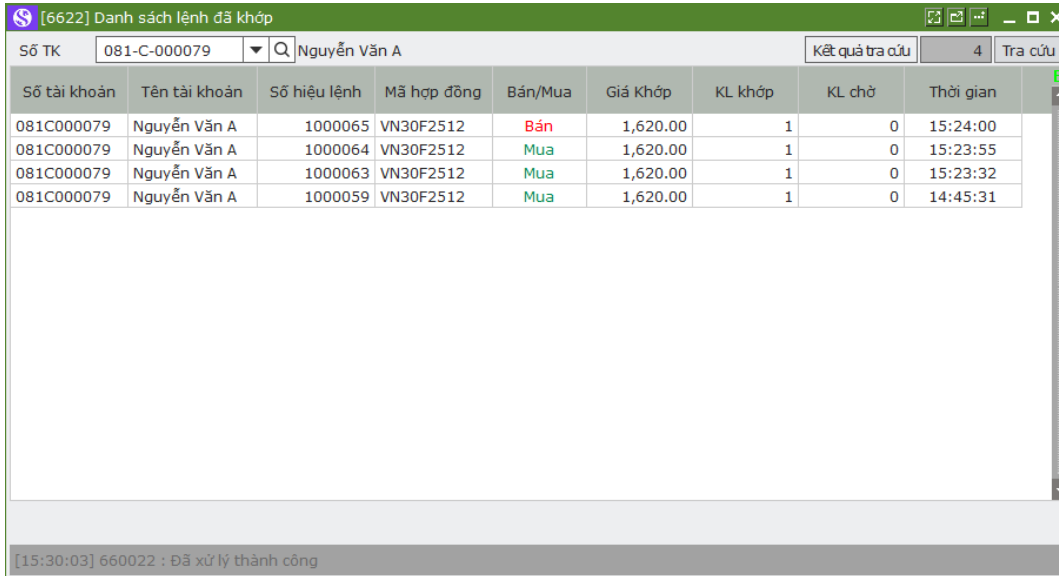


Số tài khoản	Tên tài khoản	Mã hợp đồng	Bán/Mua	Khối lượng hiện tại	Khối lượng trước	Giá trung bình	Giá hiện tại	Lãi/Lỗ	Số cổ th
081C000079	Nguyễn Văn A	4111G3000	Bán	5	5	1,610.00	1,616.10	-3,050,000	
081C000079	Nguyễn Văn A	GB10F2512	Bán	5	5	113,881.00	113,881.00	0	
081C000079	Nguyễn Văn A	VN30F2512	Mua	19	17	1,615.70	1,620.00	8,160,000	


Ký hiệu	Diễn giải
1	Thông tin tìm kiếm: số tài khoản
2	Thông tin chi tiết về vị thế mở hiện tại của tài khoản
	Scroll down chuột để tra cứu tiếp dữ liệu khi vượt quá 20 dòng

2.3.5. [6622] Danh sách lệnh đã khớp

Màn hình cho phép tra cứu danh sách lệnh đã khớp trong ngày của tài khoản.

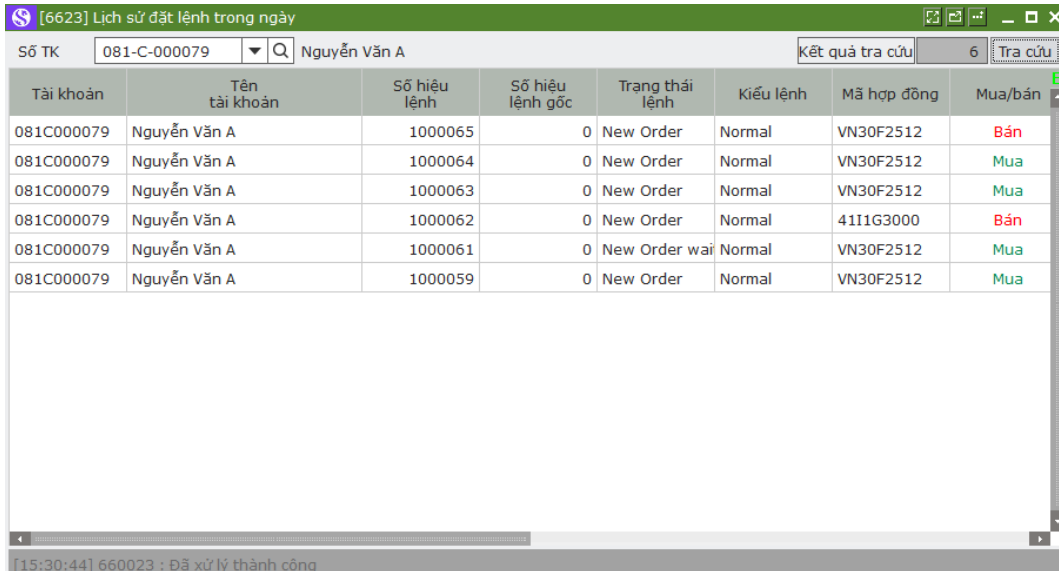


Số tài khoản	Tên tài khoản	Số hiệu lệnh	Mã hợp đồng	Bán/Mua	Giá khớp	KL khớp	KL chờ	Thời gian
081C000079	Nguyễn Văn A	1000065	VN30F2512	Bán	1,620.00	1	0	15:24:00
081C000079	Nguyễn Văn A	1000064	VN30F2512	Mua	1,620.00	1	0	15:23:55
081C000079	Nguyễn Văn A	1000063	VN30F2512	Mua	1,620.00	1	0	15:23:32
081C000079	Nguyễn Văn A	1000059	VN30F2512	Mua	1,620.00	1	0	14:45:31


Ký hiệu	Diễn giải
1	Thông tin tìm kiếm: số tài khoản
2	Thông tin chi tiết về danh sách lệnh đã khớp trong ngày của tài khoản
	Scroll down chuột để tra cứu tiếp dữ liệu khi vượt quá 20 dòng

2.3.6. [6623] Lịch sử đặt lệnh trong ngày

Màn hình cho phép tra cứu lịch sử đặt lệnh trong ngày của tài khoản.



Tài khoản	Tên tài khoản	Số hiệu lệnh	Số hiệu lệnh gốc	Trang thái lệnh	Kiểu lệnh	Mã hợp đồng	Mua/bán
081C000079	Nguyễn Văn A	1000065	0	New Order	Normal	VN30F2512	Bán
081C000079	Nguyễn Văn A	1000064	0	New Order	Normal	VN30F2512	Mua
081C000079	Nguyễn Văn A	1000063	0	New Order	Normal	VN30F2512	Mua
081C000079	Nguyễn Văn A	1000062	0	New Order	Normal	4111G3000	Bán
081C000079	Nguyễn Văn A	1000061	0	New Order wait	Normal	VN30F2512	Mua
081C000079	Nguyễn Văn A	1000059	0	New Order	Normal	VN30F2512	Mua

Ký hiệu	Diễn giải
1	Thông tin tìm kiếm: số tài khoản
2	Thông tin chi tiết về danh sách lệnh đã đặt trong ngày của tài khoản
	Scroll down chuột để tra cứu tiếp dữ liệu khi vượt quá 20 dòng

2.3.7. [6631] Lãi lỗ cộng dồn

Màn hình cho phép khách hàng tra cứu thông tin lãi/lỗ cộng dồn trong khoảng 1 thời gian.

[6631] Lãi lỗ cộng dồn							
Số TK	081-C-000079		Nguyễn Văn A		Kết quả tra cứu	20	Tra cứu
		01/09/2025		~		26/09/2025	
Lãi lỗ đã thực hiện	-3,068,731,200	Phí	1,630,000	Thuế	4,393,201	Lãi lỗ sau GD	-3,069,644,401
Lãi lỗ chưa thực hiện	5,110,000	Phí HNX	890,100	Phí vị thế	828,750	Lãi/lỗ ròng	-3,071,363,251
Ngày	Số tài khoản	Tên tài khoản	Mã sản phẩm	Mã hợp đồng	Tên hợp đồng	Lãi lỗ đã thực hiện	Lãi lỗ
26/09/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	VN30F	VN30F2512	HĐTL chỉ số VN30	510,000	
26/09/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	VN30F	4111G3000	HĐTL chỉ số VN30	0	
25/09/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	VN30F	VN30F2512	HĐTL chỉ số VN30	-178,670,000	
25/09/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	VN30F	4111G3000	HĐTL chỉ số VN30	45,000,000	
25/09/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	VGB10F	GB10F2512	HĐTL TPCP KH 10 nam	105,950,000	
24/09/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	VN30F	VN30F2512	HĐTL chỉ số VN30	119,000,000	
24/09/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	VN30F	4111G3000	HĐTL chỉ số VN30	-50,000,000	
24/09/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	VGB10F	GB10F2512	HĐTL TPCP KH 10 nam	-200,000,000	
23/09/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	VN30F	VN30F2512	HĐTL chỉ số VN30	526,660,000	
23/09/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	VN30F	4111G3000	HĐTL chỉ số VN30	-126,350,000	
23/09/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	VGB10F	GB10F2512	HĐTL TPCP KH 10 nam	-1,990,900,000	
22/09/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	VN30F	VN30F2512	HĐTL chỉ số VN30	-89,420,000	
22/09/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	VN30F	4111G3000	HĐTL chỉ số VN30	-11,650,000	
22/09/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	VGB10F	GB10F2512	HĐTL TPCP KH 10 nam	-205,650,000	
19/09/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	VN30F	VN30F2512	HĐTL chỉ số VN30	-2,533,000	

Ký hiệu	Diễn giải
1	Thông tin tìm kiếm: số tài khoản
2	Thông tin chi tiết về lãi lỗ của tài khoản
	Scroll down chuột để tra cứu tiếp dữ liệu khi vượt quá 20 dòng

2.4. Lịch sử giao dịch phái sinh

2.4.1. [6650] Lịch sử khớp lệnh

Màn hình cho phép tra cứu lịch sử các lệnh đã khớp của tài khoản trong 1 khoảng thời gian.

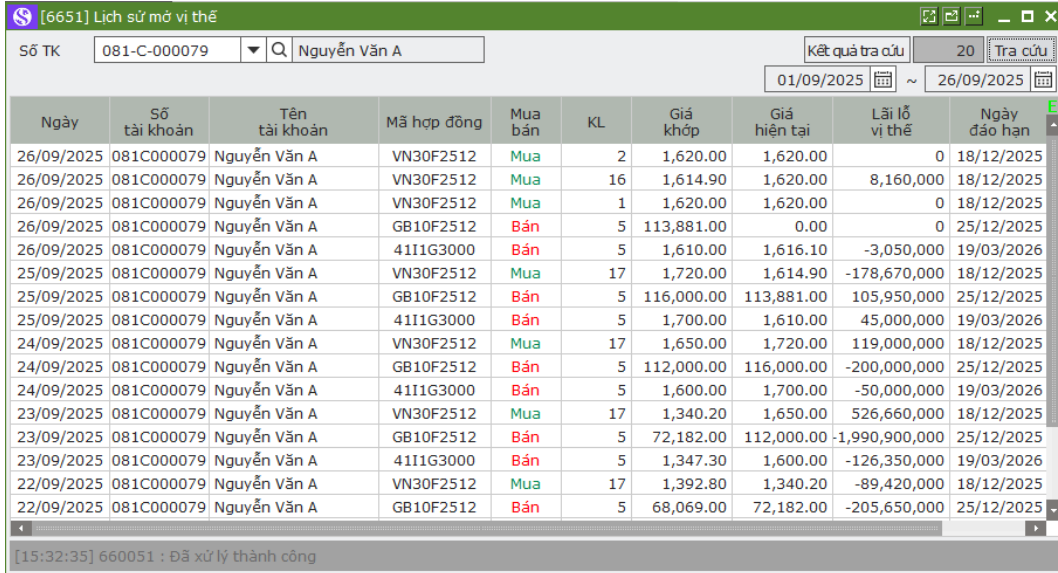
[6650] Lịch sử khớp lệnh									
Số TK	081-C-000079		Nguyễn Văn A		Kết quả tra cứu	20	Tra cứu		
		02/09/2025		~		26/09/2025			
Khối lượng mua	178	Khối lượng bán	147	Tổng số	325	Tổng phí	1,625,000	Tổng thuế	4,381,153
Số tài khoản	Tên tài khoản	Ngày	Số hiệu lệnh	Số hiệu lệnh gốc	Mã hợp đồng	Mua bán	Khối lượng	Giá khớp	
081C000079	Nguyễn Văn A	26/09/2025	1000065	0	VN30F2512	Bán	1	1,620.0	
081C000079	Nguyễn Văn A	26/09/2025	1000064	0	VN30F2512	Mua	1	1,620.0	
081C000079	Nguyễn Văn A	26/09/2025	1000063	0	VN30F2512	Mua	1	1,620.0	
081C000079	Nguyễn Văn A	26/09/2025	1000059	0	VN30F2512	Mua	1	1,620.0	
081C000079	Nguyễn Văn A	18/09/2025	1000058	0	VN30F2509	Mua	1	1,476.0	
081C000079	Nguyễn Văn A	18/09/2025	1000034	0	GB10F2512	Bán	3	74,428.0	
081C000079	Nguyễn Văn A	18/09/2025	1000018	0	VN30F2509	Bán	17	1,476.0	
081C000079	Nguyễn Văn A	18/09/2025	1000021	0	GB10F2512	Bán	2	73,000.0	
081C000079	Nguyễn Văn A	18/09/2025	1000020	0	GB10F2512	Bán	1	73,000.0	
081C000079	Nguyễn Văn A	17/09/2025	1000051	0	VN30F2509	Mua	1	1,476.0	
081C000079	Nguyễn Văn A	17/09/2025	1000050	0	VN30F2509	Mua	1	1,476.0	
081C000079	Nguyễn Văn A	17/09/2025	1000049	0	VN30F2509	Mua	1	1,476.0	
081C000079	Nguyễn Văn A	17/09/2025	1000045	0	VN30F2509	Mua	1	1,476.0	
081C000079	Nguyễn Văn A	17/09/2025	1000024	1000023	VN30F2509	Mua	2	1,476.0	
081C000079	Nguyễn Văn A	17/09/2025	1000021	0	VN30F2509	Mua	1	1,476.0	

Ký hiệu	Diễn giải
1	Thông tin tìm kiếm: số tài khoản, giai đoạn tra cứu
2	Thông tin chi tiết về lịch sử khớp lệnh của tài khoản

Scroll down chuột để tra cứu tiếp dữ liệu khi vượt quá 20 dòng

2.4.2. [6651] Lịch sử mở vị thế

Màn hình cho phép tra cứu lịch sử vị thế nắm giữ trên tài khoản của khách hàng.



Ngày	Số tài khoản	Tên tài khoản	Mã hợp đồng	Mua bán	KL	Giá khớp	Giá hiện tại	Lãi lỗ vị thế	Ngày đáo hạn
26/09/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	VN30F2512	Mua	2	1,620.00	1,620.00	0	18/12/2025
26/09/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	VN30F2512	Mua	16	1,614.90	1,620.00	8,160,000	18/12/2025
26/09/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	VN30F2512	Mua	1	1,620.00	1,620.00	0	18/12/2025
26/09/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	GB10F2512	Bán	5	113,881.00	0.00	0	25/12/2025
26/09/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	4111G3000	Bán	5	1,610.00	1,616.10	-3,050,000	19/03/2026
25/09/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	VN30F2512	Mua	17	1,720.00	1,614.90	-178,670,000	18/12/2025
25/09/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	GB10F2512	Bán	5	116,000.00	113,881.00	105,950,000	25/12/2025
25/09/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	4111G3000	Bán	5	1,700.00	1,610.00	45,000,000	19/03/2026
24/09/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	VN30F2512	Mua	17	1,650.00	1,720.00	119,000,000	18/12/2025
24/09/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	GB10F2512	Bán	5	112,000.00	116,000.00	-200,000,000	25/12/2025
24/09/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	4111G3000	Bán	5	1,600.00	1,700.00	-50,000,000	19/03/2026
23/09/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	VN30F2512	Mua	17	1,340.20	1,650.00	526,660,000	18/12/2025
23/09/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	GB10F2512	Bán	5	72,182.00	112,000.00	-1,990,900,000	25/12/2025
23/09/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	4111G3000	Bán	5	1,347.30	1,600.00	-126,350,000	19/03/2026
22/09/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	VN30F2512	Mua	17	1,392.80	1,340.20	-89,420,000	18/12/2025
22/09/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	GB10F2512	Bán	5	68,069.00	72,182.00	-205,650,000	25/12/2025

Ký hiệu	Diễn giải
1	Thông tin tìm kiếm: số tài khoản, giai đoạn tra cứu
2	Thông tin chi tiết về lịch sử mở vị thế của tài khoản trong khoảng thời gian tra cứu
	Scroll down chuột để tra cứu tiếp dữ liệu khi vượt quá 20 dòng


2.4.3. [6652] Gọi ký quỹ

Màn hình cho phép tra cứu lịch sử gọi ký quỹ của tài khoản.



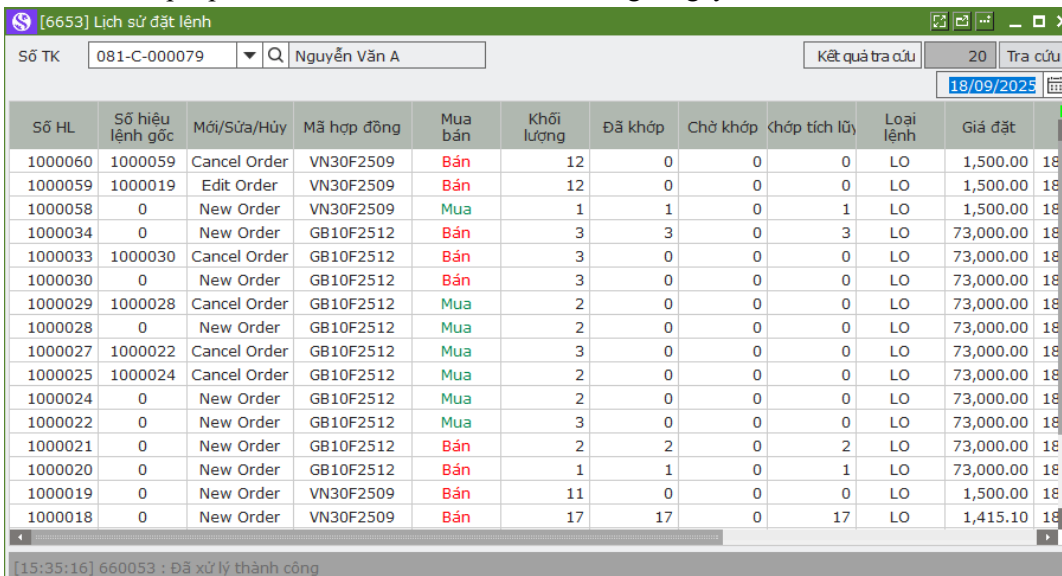
Ngày và tài khoản			Ngày trước				
Ngày	Tài khoản	Tên tài khoản	Ký quỹ yêu cầu	Tiền	Tiền nộp ký quỹ	Thâm hụt ký quỹ	Tiền nộp hiện tại
04/07/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	,311,000,000.00	10,040,000.00	0.00	,300,960,000.00	,311,000,000.00
07/07/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	,799,860,000.00	,311,000,000.00	0.00	,488,860,000.00	,799,859,990.00
08/08/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	,524,300,000.00	,798,160,325.00	63,695,400.00	,662,444,275.00	,798,160,325.00
11/08/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	,152,000,000.00	,798,160,325.00	63,695,400.00	,290,144,275.00	,798,160,325.00
25/08/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	994,550,000.00	917,680,400.00	72,369,600.00	4,500,000.00	922,180,400.00
10/09/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	607,476,658.00	315,273,125.00	72,369,600.00	219,833,933.00	535,218,169.00
12/09/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	,269,799,925.00	535,082,712.00	72,369,600.00	662,347,613.00	,197,430,325.00
15/09/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	,326,944,718.00	,197,430,325.00	72,369,600.00	57,144,793.00	,254,575,118.00

Ký hiệu	Diễn giải
1	Thông tin tìm kiếm: số tài khoản, giai đoạn tra cứu


2	Thông tin chi tiết về lịch sử gọi ký quỹ của tài khoản trong khoảng thời gian tra cứu
	Scroll down chuột để tra cứu tiếp dữ liệu khi vượt quá 20 dòng

2.4.4. [6653] Lịch sử đặt lệnh

Màn hình cho phép tra cứu danh sách lệnh đã đặt trong 1 ngày của tài khoản.




Số HL	Số hiệu lệnh gốc	Mối/Sửa/Hủy	Mã hợp đồng	Mua bán	Khối lượng	Đã khớp	Chờ khớp	Chớp tích lũy	Loại lệnh	Giá đặt
1000060	1000059	Cancel Order	VN30F2509	Bán	12	0	0	0	LO	1,500.00
1000059	1000019	Edit Order	VN30F2509	Bán	12	0	0	0	LO	1,500.00
1000058	0	New Order	VN30F2509	Mua	1	1	0	1	LO	1,500.00
1000034	0	New Order	GB10F2512	Bán	3	3	0	3	LO	73,000.00
1000033	1000030	Cancel Order	GB10F2512	Bán	3	0	0	0	LO	73,000.00
1000030	0	New Order	GB10F2512	Bán	3	0	0	0	LO	73,000.00
1000029	1000028	Cancel Order	GB10F2512	Mua	2	0	0	0	LO	73,000.00
1000028	0	New Order	GB10F2512	Mua	2	0	0	0	LO	73,000.00
1000027	1000022	Cancel Order	GB10F2512	Mua	3	0	0	0	LO	73,000.00
1000025	1000024	Cancel Order	GB10F2512	Mua	2	0	0	0	LO	73,000.00
1000024	0	New Order	GB10F2512	Mua	2	0	0	0	LO	73,000.00
1000022	0	New Order	GB10F2512	Mua	3	0	0	0	LO	73,000.00
1000021	0	New Order	GB10F2512	Bán	2	2	0	2	LO	73,000.00
1000020	0	New Order	GB10F2512	Bán	1	1	0	1	LO	73,000.00
1000019	0	New Order	VN30F2509	Bán	11	0	0	0	LO	1,500.00
1000018	0	New Order	VN30F2509	Bán	17	17	0	17	LO	1,415.10

Ký hiệu	Diễn giải
1	Thông tin tìm kiếm: số tài khoản, ngày tra cứu
2	Thông tin chi tiết về lịch sử đặt lệnh trong 1 ngày của tài khoản
	Scroll down chuột để tra cứu tiếp dữ liệu khi vượt quá 20 dòng

2.4.5. [6654] Lịch sử vị thế đóng trong ngày

Màn hình cho phép tra cứu lịch sử các giao dịch đóng vị thế trong ngày của tài khoản.

Ký hiệu	Diễn giải
1	Thông tin tìm kiếm: số tài khoản, giai đoạn tra cứu
2	Thông tin chi tiết về lịch sử đặt lệnh đóng vị thế theo từng ngày của tài khoản trong giai đoạn tra cứu
	Scroll down chuột để tra cứu tiếp dữ liệu khi vượt quá 20 dòng

2.5. Tài khoản phái sinh

2.5.1. [6670] Số dư tài khoản trong ngày

Màn hình cho phép tra cứu lịch sử số dư tiền và chứng khoán ký quỹ.


[6670] Số dư tài khoản trong ngày

Số tài khoản: 081-C-000079 | Q: Nguyễn Văn A | Tổng: 19 | Tra cứu

01/09/2025 ~ 26/09/2025

Ngày	Số tài khoản	Tên tài khoản	Tiền				Mã CK			Giá trị KQ yêu cầu	
			Số dư tiền KQ đầu ngày	Số dư tiền mã	Tiền rút	Số dư tiền KQ	Số dư CKKQ đầu ngày	Giá trị CKKQ nộp	Giá trị CKKQ rút		Giá trị số dư CKKQ
26/09/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	254,248,452	0	100,000	254,148,452	72,369,600	0	0	72,369,600	802,989,950
25/09/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	254,498,452	0	250,000	254,248,452	72,369,600	0	0	72,369,600	635,660,000
24/09/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	254,565,118	0	66,666	254,498,452	72,369,600	0	0	72,369,600	639,190,000
23/09/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	254,565,118	0	0	254,565,118	72,369,600	0	0	72,369,600	635,050,000
22/09/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	254,575,118	50,000	60,000	254,565,118	72,369,600	0	0	72,369,600	529,743,500
19/09/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	254,575,118	0	0	254,575,118	72,369,600	0	0	72,369,600	529,743,500
18/09/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	254,575,118	0	0	254,575,118	72,369,600	0	0	72,369,600	531,575,000
17/09/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	254,575,118	0	0	254,575,118	72,369,600	0	0	72,369,600	856,600,000
16/09/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	254,575,118	0	0	254,575,118	72,369,600	0	0	72,369,600	813,463,358
15/09/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	197,430,325	57,144,793	0	254,575,118	72,369,600	0	0	72,369,600	789,770,250
12/09/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	535,082,712	662,347,613	0	197,430,325	72,369,600	0	0	72,369,600	326,944,718
11/09/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	535,218,169	280,000	415,457	535,082,712	72,369,600	0	0	72,369,600	269,799,925
10/09/2025	081C000079	Nguyễn Văn A	315,273,125	219,945,044	0	535,218,169	72,369,600	0	0	72,369,600	353,462,500

[15:35:51] 660070 : Đã xử lý thành công

Ký hiệu	Diễn giải
1	Thông tin tìm kiếm: số tài khoản, giai đoạn tra cứu
2	Thông tin chi tiết về lịch sử tiền và chứng khoán ký quỹ theo từng ngày của tài khoản trong giai đoạn tra cứu
	Scroll down chuột để tra cứu tiếp dữ liệu khi vượt quá 20 dòng

2.5.2. [6672] Lịch sử thanh toán

MH cho phép user tra cứu lịch sử thanh toán lãi/lỗ, phí, thuế của tài khoản.


[6672] Lịch sử thanh toán

Số tài khoản: 081-C-000079 | Q: Nguyễn Văn A | Tổng: 34 | Tra cứu

01/08/2025 ~ 26/09/2025

Ngày giao dịch	Ngày thanh toán	Số tài khoản	Tên tài khoản	Số dư kho	Lãi lỗ VM	Phí	Thuế	Số tiền mặt khả dụng	Số tiền thiếu	Trạng thái
31/07/2025	01/08/2025	081C000079	Trần Hồng Văn	80	52,500,000	0	0	0,087,954,063	0	Đã th.
05/08/2025	06/08/2025	081C000079	Trần Hồng Văn	80	30,000,000	0	0	939,936,853	0	Đã th.
06/08/2025	07/08/2025	081C000079	Test	80	00,000,000	0	0	0	0	Đã th.
08/08/2025	11/08/2025	081C000079	Test	80	37,040,000	260,000	712,660	043,770,731	0	Đã th.
11/08/2025	12/08/2025	081C000079	Test	80	58,510,000	4,985,000	13,710,373	863,873,458	0	Đã th.
12/08/2025	13/08/2025	081C000079	Test	80	45,000,000	0	0	208,866,958	0	Đã th.
13/08/2025	14/08/2025	081C000079	Test	80	45,000,000	0	0	351,187,330	0	Đã th.
15/08/2025	18/08/2025	081C000079	Test	80	72,230,000	345,000	786,345	922,180,685	0	Đã th.
18/08/2025	19/08/2025	081C000079	Test	80	03,040,000	0	0	306,395,000	0	Đã th.
19/08/2025	20/08/2025	081C000079	Test	80	29,915,000	75,000	205,618	436,375,882	0	Đã th.
20/08/2025	21/08/2025	081C000079	Test	80	-5,796,600	20,000	40,800	0	0	Đã th.
21/08/2025	22/08/2025	081C000079	Test	80	24,598,400	25,000	68,000	0	0	Đã th.
25/08/2025	26/08/2025	081C000079	Test	80	76,318,000	0	0	624,566,085	0	Đã th.
26/08/2025	27/08/2025	081C000079	Test	80	79,327,600	0	0	731,525,835	0	Đã th.
27/08/2025	28/08/2025	081C000079	Test	80	75,487,600	65,000	179,363	52,334,654	0	Đã th.
28/08/2025	29/08/2025	081C000079	Test	80	59,853,200	6,240,000	699,970	110,105,456	0	Đã th.

[15:36:26] 660077 : Đã xử lý thành công

Ký hiệu	Diễn giải
1	Thông tin tìm kiếm: số tài khoản, giai đoạn tra cứu
2	Thông tin chi tiết về lịch sử thanh toán theo ngày của tài khoản trong giai đoạn tra cứu
	Scroll down chuột để tra cứu tiếp dữ liệu khi vượt quá 20 dòng

2.5.3. [6673] Thông tin tiền và chứng khoán ký quỹ TK phái sinh

Màn hình cho phép tra cứu chi tiết về thông tin tiền và chứng khoán đã ký quỹ và chưa ký quỹ của tài khoản.

[6673] Thông tin tiền và CK ký quỹ TK phải sinh					
Số TK	081-C-000079	Q	Nguyễn Văn A	Tra cứu	
Số dư tiền ký quỹ đầu ngày	5,725,191,303	Phí SSV	-20,000	Tiền ký quỹ nộp/rút tại VSD	
Tiền ký quỹ nộp rút	-28,174,586	Thuế	97,200	Giá trị tài sản đảm bảo được chấp nhận tại VSD	
Số dư tiền ký quỹ hôm nay	5,697,016,717	Lãi lỗ chưa thực hiện	5,110,000	Số dư tiền ký quỹ tại VSD	
Tiền ký quỹ chờ rút	0	Giá trị ký quỹ VSD yêu cầu	635,660,000	Giá trị CKKQ tại VSD	
Giá trị chứng khoán KQ	319,808,160	Giá trị ký quỹ SSV yêu cầu	802,989,950	Giá trị CKKQ có thể rút tại VSD	
Giá trị chứng khoán KQ chờ rút	0	Ký quỹ yêu cầu của lệnh chờ khớp	302,542,200	Tiền ký quỹ có thể rút tại VSD	
Giá trị tài sản đảm bảo hợp lệ	6,014,916,449	Thâm hụt ký quỹ	0	Giá trị CKKQ chờ rút tại VSD	
Lãi lỗ đã thực hiện	510,000	Số dư tiền ký quỹ có thể rút	4,440,959,837	Giá trị CKKQ được chấp nhận tại VSD	
Giá trị CK KQ được chấp nhận	319,808,160	Số dư tài sản đảm bảo có thể đặt lệnh	4,633,001,262	Số dư tiền ký quỹ đầu ngày tại VSD	
Tài sản ròng		Giá trị CKKQ có thể rút	247,438,560	Tiền ký quỹ chờ rút tại VSD	

Giá trị tiền và chứng khoán chưa ký quỹ			
Số dư tiền khả dụng	4,440,959,837	Số dư tiền mặt hiện có	4,442,768,265
Số lượng chứng khoán khả dụng	11,547	Giá trị chứng khoán khả dụng	361,809,850
Số lượng chứng khoán hiện có	14,997	Giá trị chứng khoán hiện có	452,642,350
Phí TSKQ		Phí HNX	
Số tiền thiếu		Phí vị thế chưa thanh toán	

[15:37:59] 660076 : Đã xử lý thành công

Ký hiệu	Diễn giải
1	Thông tin tìm kiếm: số tài khoản
2	Thông tin chi tiết về tiền và chứng khoán của tài khoản tại CTCK và VSD
3	Thông tin chung về tiền và giá trị chứng khoán của tài khoản tại CTCK, phí HNX và phí phí thế chưa thanh toán

2.5.4. [6674] Giới hạn giao dịch

Màn hình cho phép tra cứu giới hạn giao dịch được cài đặt riêng cho tài khoản.

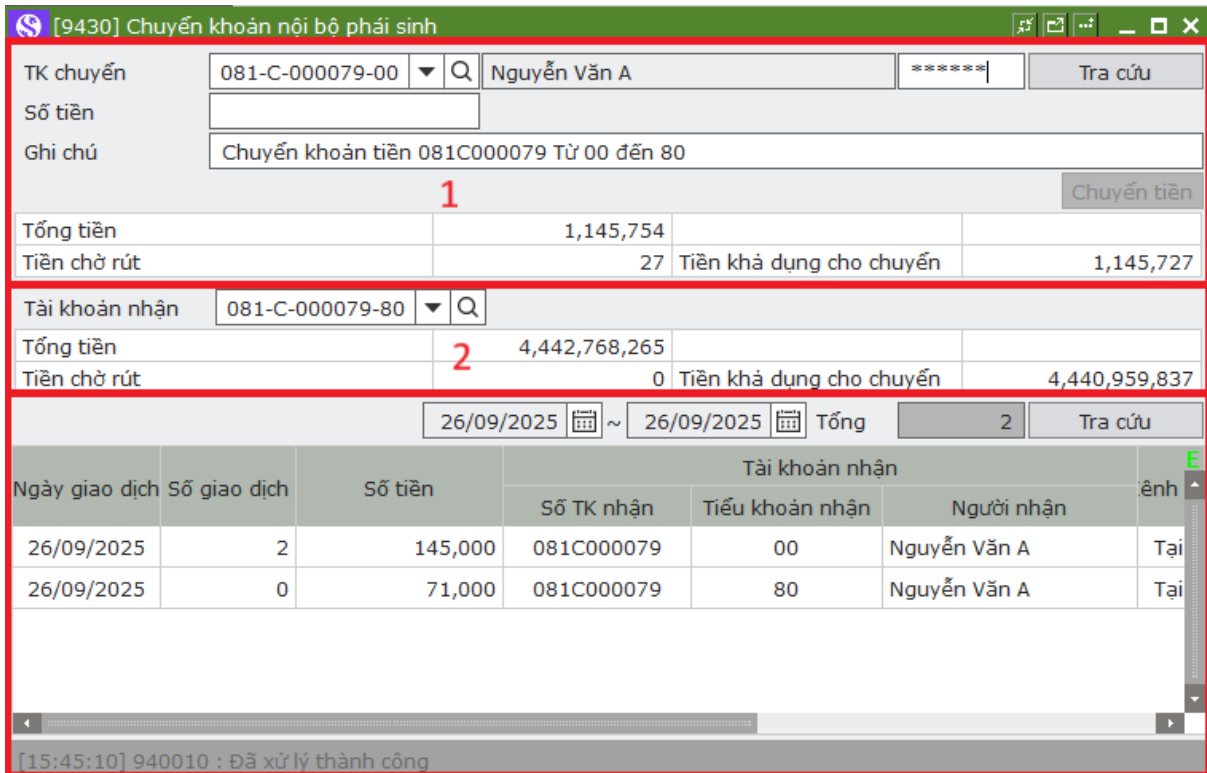
[6674] Giới hạn giao dịch							
Số TK	081-C-000079	Q	Nguyễn Văn A	Tổng	0	Tra cứu	
Số tài khoản	Tên tài khoản	Mã sản phẩm	Giới hạn lệnh		Giới hạn bước giá		Giới hạn lệnh
			KL	Hoạt động	KL	Hoạt động	

[15:38:17] 660074 : Đã xử lý thành công

Ký hiệu	Diễn giải
1	Thông tin tìm kiếm: số tài khoản
2	Thông tin chi tiết về cài đặt giới hạn lệnh của tài khoản

2.6. Thông tin đầu tư

2.6.1. [9430] Chuyển khoản nội bộ phái sinh



Màn hình dùng để chuyển tiền nội bộ giữa cơ sở sang phái sinh và ngược lại.

Ký hiệu	Diễn giải
1	Thông tin tiểu khoản chuyển tiền. Chọn tiểu khoản chuyển tiền Nhập số tiền muốn chuyển, diễn giải (nếu cần sửa lại diễn giải mặc định của hệ thống) Lưu ý: Số tiền chuyển không được vượt quá số tiền khả dụng cho chuyển
2	Thông tin tiểu khoản nhận tiền
3	Lịch sử chuyển khoản nội bộ theo ngày của tài khoản trong giai đoạn tra cứu

2.6.2. [9440] Nộp ký quỹ phái sinh

Màn hình cho phép thực hiện nộp tiền ký quỹ phái sinh lên VSD của tài khoản.

[9440] Nộp ký quỹ phái sinh

TK chuyển: 081-C-000079 | Nguyễn Văn A | ***** | **Tra cứu**

Số tiền: **1** | 1,000,000 | Phí: 11,000 | Số thực nhận: 1,000,000 | Loại phí: E: Phí ngoài

Ghi chú: Nộp tiền KQ

Tài khoản nguồn: 12345678903 | CSG.TK tổng SSV | Phân Loại: 1:MG

Tài khoản nhận: 127000065477 | CMC. TK ký quỹ KH SSV | Nộp tiền KQ

Số dư tiền gửi	4,442,768,265	Phong tỏa khác	0
Giá trị ký quỹ	1,254,148,452	Rút chờ duyệt	0
Phong tỏa chờ ký quỹ	1,908,428	Số dư khả dụng	4,440,959,837
Phong tỏa chờ thanh toán	0	Tiền phong tỏa chờ đáo hạn	0

3 | 01/09/2025 ~ 26/09/2025 | Tổng: 20 | **Tra cứu**

Tài khoản	Tiểu khoản	Tiền giao dịch	Số tiền thực nhận	Phí	Cancel Y/N	Tài khoản đích
081C000079	80	6,161,665	6,161,665	11,000	N	12345678904
081C000079	80	326,563	326,563	11,000	N	12345678904
081C000079	80	55,454	55,454	11,000	N	12345678904
081C000079	80	4,112	4,112	11,000	N	12345678904

[15:46:06] 940044 : Đã xử lý thành công

Ký hiệu	Diễn giải
1	Thông tin tài khoản phái sinh nộp ký quỹ. Nhập số tiền muốn nộp ký quỹ Tài khoản nguồn trích tiền (TK tổng của CTCK) Tài khoản nhận tiền (trên VSD)
2	Thông tin số dư tiền của tài khoản phái sinh
3	Lịch sử nộp tiền ký quỹ theo ngày của tài khoản trong giai đoạn tra cứu

2.6.3. [9450] Rút ký quỹ phái sinh

Màn hình cho phép thực hiện rút tiền ký quỹ phái sinh từ VSD của tài khoản.

[9450] Rút ký quỹ phái sinh

TK chuyển: 081-C-000079 | Nguyễn Văn A | ***** | Tra cứu

Số tiền: 100,000 | Phí: 11,000 | Số thực nhận: 89,000 | Loại phí: I: Phí trong

Ghi chú: Rút tiền KQ

Tài khoản nguồn: VSDSSVXX.C | 127000065477 | Phân Loại: 1:MG

Tài khoản nhận: VSDSSVXX.R | 126000065480 | Rút tiền KQ

Số dư tiền ký quỹ tại VSD: 1,254,148,452 | Ký quỹ được rút tại VSD: 690,858,052

Giá trị ký quỹ VSD yêu cầu: 635,660,000 | Rút ký quỹ chờ duyệt tại VSD: 0

01/09/2025 ~ 26/09/2025 | Tổng: 35 | Tra cứu

Tài khoản	Tiểu khoản	Tiền giao dịch	Số tiền thực nhận	Phí	Cancel Y/N	Tài khoản đích	
081C000079	80	9,868,665	9,857,665	11,000	N	VSDSSVXX.R	Rút tiền ký
081C000079	80	9,899,794	9,888,794	11,000	N	VSDSSVXX.R	Rút tiền ký
081C000079	80	24,554	13,554	11,000	N	VSDSSVXX.R	Rút tiền ký
081C000079	80	24,554	13,554	11,000	N	VSDSSVXX.R	Rút tiền ký
081C000079	80	57,545	46,545	11,000	N	VSDSSVXX.R	Rút tiền ký
081C000079	80	649,988	638,988	11,000	N	VSDSSVXX.R	Rút tiền ký

[15:46:37] 940045 : Đã xử lý thành công

Ký hiệu	Diễn giải
1	Thông tin số tài khoản phái sinh Nhập số tiền muốn rút ký quỹ Tài khoản nguồn trích tiền (trên VSD) Tài khoản nhận (TK tổng của CTCK)
2	Thông tin số dư tiền của tài khoản phái sinh
3	Lịch sử rút tiền ký quỹ theo ngày của tài khoản trong giai đoạn tra cứu

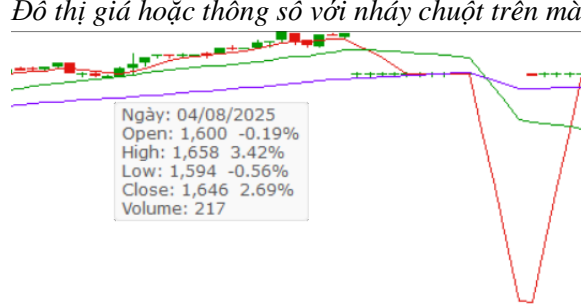

3. Đồ thị tổng hợp

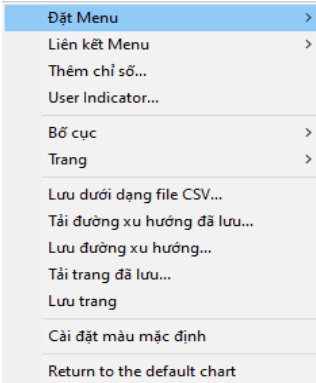
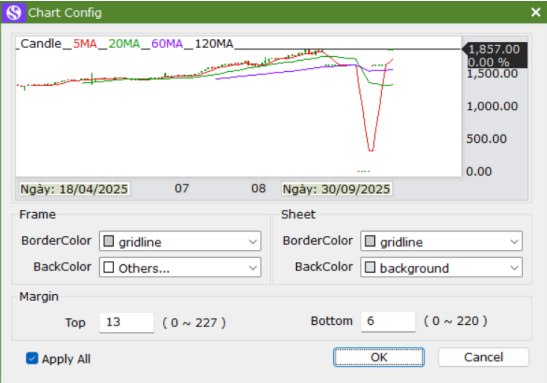
- Có thể tra cứu những biến động của thị trường theo tick/tháng/tuần/ngày bằng đồ thị minh họa. Có thể phân tích danh mục cụ thể, tăng cường khả năng cài đặt riêng biệt các kỹ năng đa dạng của phân tích danh mục. Khách hàng có thể trực tiếp vẽ các đồ thị cho riêng mình
- Chỉ với click chuột User có thể xóa, đề, di chuyển, thay đổi, bổ sung, chỉ số có tính kỹ thuật, chỉ số từng chủng loại và các hình thái đồ thị
 - Chức năng cho người dùng tự thiết kế các đồ thị phân tích riêng mình: Khả năng cài đặt từng mục đối với công cụ phân tích, chiến lược, chỉ số từng loại và hình thái đồ thị được phân chia riêng rẽ và cài đặt riêng phù hợp với mục đích của mỗi chức năng tương ứng. Người sử dụng có thể tự vẽ đồ thị để xác định xu hướng, chỉ số kỹ thuật, chiến lược kinh doanh cho riêng mình.
 - Chức năng đa phân tích: Có thể tra cứu và bổ sung đồng thời nhiều danh mục trong một màn hình đồ thị. Có thể tra cứu đồng thời nhiều chu kỳ khác nhau (ngày/tuần/tháng/tick) tại một màn hình đồ thị. Có khả năng thay đổi chu kỳ và thay đổi danh mục mong muốn tại trạng thái bổ sung nhiều danh mục.
 - Nhiều công cụ dùng vẽ đồ thị: Tạo ra một cách đa dạng công cụ sử dụng để phân tích từng loại, công cụ tra cứu trị số để phân tích đồ thị, Thanh công cụ(phải) cài đặt dữ liệu tự do và có thể cấu tạo thanh công cụ theo mong muốn KH.




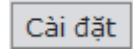
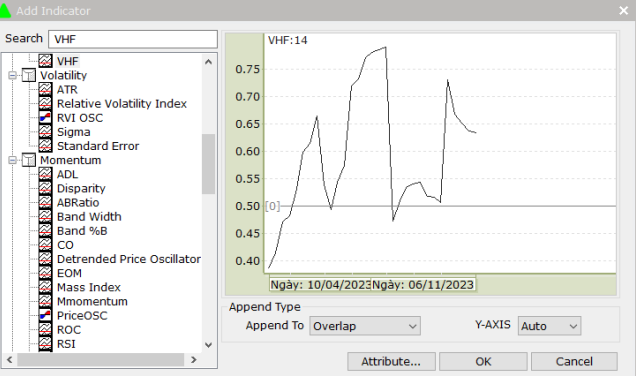

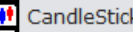
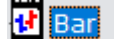
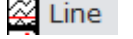
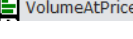
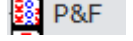


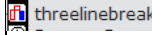
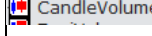
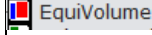


Ký hiệu	Diễn giải
1	Thanh công cụ chính
2	Menubar trái. Trong trường hợp User chọn menu bar trái tại phím hiển thị của toolbar chính phía trên, đó là menu xuất hiện phía trái của màn hình đồ thị. Cửa sổ menu này cấu tạo được thành danh mục quan tâm, tăng /giảm , tìm kiếm tín hiệu, chỉ số kỹ thuật, hình thái đồ thị. User có thể ứng dụng tại đồ thị bằng kéo và thả (drag and drop) hoặc click đúp vào hạng mục tương ứng
3 (*)	<p>Vùng đồ thị:</p> 







(*)

01	<p>Tên danh mục/Tên thông số hiển thị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiển thị ở phía trên bên trái vùng đồ thị giá các thuyết minh về tên danh mục/tên thông số/thông số kỹ thuật/chiến lược trading system/tìm kiếm tín hiệu/tăng/giảm. - Hiển thị bằng hình mũi tên tín hiệu của tìm kiếm tín hiệu và chiến lược trading system.
02	<p>Hiển thị tỉ lệ tăng giảm: Hiển thị tại trục Y của vùng đồ thị giá tỉ lệ tăng giảm giá cao nhất trong so sánh với thấp nhất, tỉ lệ tăng giảm giá thấp nhất trong so sánh với giá đóng cửa, tỉ lệ tăng giảm giá cao nhất trong so sánh với giá đóng cửa. (Hiển thị cả trong trường hợp cài đặt ở cài đặt loại hình đồ thị giá)</p>
03	<p>Tỉ lệ tăng giảm giá đóng cửa và giá tham chiếu: Hiển thị tại trục Y của vùng đồ thị giá tỉ lệ tăng giảm giá đóng cửa và giá đóng cửa đối chiếu</p>
04	<p>Hiển thị giá thấp nhất, cao nhất, giảm cổ tức, giảm quyền: Hiển thị giá cao nhất/thấp nhất trong vùng đồ thị giá. - Giá cao nhất/thấp nhất được biểu diễn trên đồ thị có nghĩa là giá cao nhất/thấp nhất của dữ liệu hiện đang tra cứu. (Hiển thị cả trong trường hợp cài đặt ở cài đặt môi trường đồ thị)</p>
<p>Biểu diễn dạng đỉnh quạt</p>	<p>Đồ thị giá hoặc thông số với nháy chuột trên màn hình tại điểm cắt</p> 
<p>Phóng to/ thu nhỏ bằng chuột</p>	<p>Nếu dùng chuột để kéo vùng đồ thị về phía phải, vùng đồ thị sẽ được phóng to</p> 
<p>Xem toàn bộ dữ liệu</p>	<p>Trong vùng đồ thị nếu kéo chuột trái có thể tra cứu dữ liệu toàn bộ đã nhập vào phần dữ liệu tra cứu tại toolbar chính phía trên màn hình</p>
<p>Xem phần trước</p>	<p>Trong vùng đồ thị nếu nhấn chuột trái sẽ liên tục quay lại trạng thái trước đó</p>

<p><i>Quay lại trước đó</i></p>	<p><i>Nếu click chuột trong vùng đồ thị mà không có ý định thay đổi đồ thị thì kéo chuột một chút không làm thay đổi đồ thị</i></p>
<p><i>Sử dụng chuột phải</i></p>	<p>(1) Menu khi đặt và click chuột phải vào phần thuyết minh thông số và danh mục: Click chuột phải, đồ thị giá và thông số (tìm kiếm tín hiệu/tăng/giảm) có thể được cài đặt vào đồ thị hình quạt và tên tăng/giảm/tìm kiếm tín hiệu/thông số/đồ thị giá. Vị trí đó, nếu là đồ thị giá thì menu cài đặt hình thái đồ thị xuất hiện, nếu là thông số đồ thị (tìm kiếm tín hiệu/tăng/giảm) thì menu xóa thông số và cài đặt thông số sẽ xuất hiện</p> <p>(2) Menu khi click chuột phải trong vùng đồ thị: Là menu khi click chuột phải trong vùng ngoài đường đồ thị hoặc ngoài phần thuyết minh trong vùng đồ thị</p>  <p><i>Các chức năng hỗ trợ: Thêm chỉ số yêu thích, liên kết menu, bổ sung thêm chỉ số, thể hiện đồ thị theo bố cục, có thể sắp xếp, cài đặt bố cục hiển thị, xóa bố cục cài đặt, ...</i></p>
<p><i>Click vào chart trên đồ thị</i></p>	<p><i>Thay đổi các cài đặt của chart trên đồ thị tổng hợp như các lựa chọn trên màn hình.</i></p> 

	<p>Hiển thị mã chứng khoán đã tra cứu gần nhất</p>
	<p>Ấn/Xem menu trái</p>
	<p>Chu kỳ dữ liệu và số lần tra cứu: Nếu chọn ngày, tuần, tháng, tick và nhập số hạng mục mong muốn vào thì sẽ tra cứu trong phạm vi điều kiện vừa nhập</p>
	<p>Khi chọn thì màn hình cài đặt môi trường đồ thị sẽ hiện ra theo kiểu pop up. User có thể cài đặt các điều kiện của đồ thị.</p>
<p>Cài đặt chart</p>	
	<p>Cửa số tìm kiếm. User nhập vào cửa số tìm kiếm chỉ số kỹ thuật đang tìm. Ví dụ, User muốn tìm MACD hãy nhập vào cửa số tìm kiếm là MACD. Khi nhập xong User hãy nhấn phím enter. Khi các chỉ số liên quan đến MACD được tìm thấy nếu User vẫn tiếp tục nhấn enter hoặc phím tìm kiếm thì các chỉ số tương ứng sẽ được tìm kiếm theo thứ tự. Kéo và thả (drag and drop) trong đồ thị hoặc click đúp vào đồ thị giá muốn thay đổi tại hạng mục menu hình thái đồ thị giá trị đồ thị muốn thay đổi</p>
	<p>Đồ thị hình nến: Là đồ thị kiểu Nhật bản thể hiện giá đóng cửa, giá cao, giá thấp, giá mở cửa thông qua đồ thị hình nến. Thân nến được cấu tạo bởi thị giá và giá đóng cửa, đuôi nến được cấu tạo bởi giá cao và giá thấp. Giá đóng cửa ngày hiện tại cao hơn thị giá thì thân nến màu xanh. Đồ thị giá tạo nên ngoài hai màu cài đặt như thế còn có thể cài đặt màu bổ sung thể hiện sự tăng giảm giá khi so sánh giá đóng cửa ngày hôm trước với giá mở cửa ngày hiện tại</p>
	<p>Đồ thị sóng: Là đồ thị kiểu Mỹ thể hiện giá đóng cửa, giá cao, giá thấp, giá mở cửa thông qua đồ thị hình sóng. Điểm đỉnh và đáy của sóng thể hiện giá cao nhất, giá thấp nhất, thị giá hiển thị theo nhánh nhỏ bên phải sóng, giá đóng cửa hiện thị theo nhánh nhỏ bên phải sóng. Ngoài ra có thể cài đặt màu sắc chỉ thị bổ sung sự tăng giảm giá khi so sánh giá đóng cửa ngày hôm trước với giá mở cửa ngày hiện tại</p>
	<p>Đường đồ thị giá đóng cửa: Đường đồ thị giá đóng cửa là tên gọi đồ thị dạng đường đơn giản thể hiện giá đóng cửa. Người sử dụng có thể thay đổi màu sắc và độ đậm, nhạt, dày của đường theo mong muốn cá nhân</p>
	<p>Đồ thị bán: Là đồ thị sử dụng khi phân tích tình hình bán bằng đồ thị hình sóng thể hiện tỉ lệ của lượng giao dịch theo từng giá. Đồ thị phân tích tình hình bán tuy có các thông số gọi là (số giá bán) khác với đồ thị giá nhắc đến ở trên nhưng thông số là thông số giúp tạo ra số sóng bán chia ra theo trị số của thông số giá</p>
	<p>Đồ thị P & F: Đồ thị P&F là đồ thị được dùng khi phân tích khuynh hướng lấy sự tăng giảm giá làm trọng tâm theo đồ thị hơi thoát ra ngoài quan niệm thời gian. Khi giá cao hơn giá cơ sở thì cột X hiển thị màu đỏ, thấp hơn giá cơ sở thì cột O hiển thị màu xanh. Lấy thời gian làm khái niệm, chỉ khi chuyển đổi dòng O tại cột X thì có thể di chuyển được một dòng. Vì đồ thị P&F có thông số (mở rộng dòng) và thông số (chuyển đổi dòng) nên người sử dụng có thể tạo đồ thị theo ý muốn cá nhân</p>

	<p>Độ chuyển đổi ba đường: Độ chuyển đổi 3 dòng có cùng khái niệm với đồ thị P&F, khi phát sinh biến động giá chứng khoán trên thông số chuyển đổi dòng thì đồ thị đổi màu xanh hoặc màu đỏ. Khi giá chứng khoán tăng, hiện thị màu đỏ đậm, khi giá chứng khoán giảm, hiện thị màu xanh. Thông số thay đổi thành thông số chuyển đổi dòng</p>
	<p>Đồ thị nến khối lượng</p>
	<p>Đồ thị equivolume: Đồ thị equivolume thường theo quan niệm về lượng giao dịch giống với đồ thị nến, độ rộng phải trái của thân nến thể hiện bằng tỉ lệ nắm giữ toàn bộ khối lượng giao dịch của nến tương ứng. Theo đó, ở phần đồ thị nến tương ứng, khối lượng giao dịch càng nhiều thì độ rộng của nó càng được mở ra. Giống như đồ thị hình nến, có cài đặt tô màu vùng thể hiện giá tăng giảm</p>
<p>Search <input type="text" value="ADX"/> Indicator</p>	<p>Tạo thông số:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gõ tên thông số mà User muốn hiển thị - Hoặc tìm kiếm thông số trong danh sách cách chỉ số
<p>Bổ sung thông số kỹ thuật: Click(Ví dụ: Bổ sung ADX)</p>	<p>Click đúp chuột vào AXD ở menu thông số kỹ thuật ADX được bổ sung vào đồ thị, nếu vẫn click đúp vào AXD lần nữa thì thông số ADX sẽ được bổ sung trùng lặp liên tục hoặc tìm kiếm ADX ở ô tìm kiếm thông số kỹ thuật</p> 
<p>Chèn thông số kỹ thuật. Kéo và thả đường biên</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kéo thông số muốn chèn bằng chuột và thả vào đường biên đồ thị mong muốn - Khi đó, theo vị trí thả, thông số được chọn sẽ được bổ sung vào đồ thị. <p>Click thông tin trên ô tìm kiếm hoặc chỉ số đã chọn</p> 

<p><i>Di chuyển thông số kỹ thuật</i></p>	<p><i>Khi di chuyển thông số kỹ thuật đã bổ sung trước đó, sử dụng chuột giống như với trường hợp chèn và delete, kéo và thả vào lĩnh vực mong muốn</i></p> 
<p><i>Xóa thông số kỹ thuật</i></p>	<p>(1) Kéo bằng chuột tên thông số và tên danh mục, di chuyển ra ngoài đồ thị, khi chuột màn hình đổi thành hình thùng rác thì có thể xóa được. Tuy nhiên, không thể xóa được đồ thị giá cơ bản.</p> <p>(2) Nhấn phím X phía trên bên phải màn hình để xóa.</p> <p>(3) Kéo chuột trực đồ thị thường trình con muốn xóa, di chuyển ra ngoài đồ thị, khi chuột màn hình đổi thành hình thùng rác, thả chuột thì có thể xóa được.</p> <p>(4) Nhấp chuột vào tên thông số và tên danh mục muốn xóa, sau khi chọn, nhấn phím delete trên bàn phím cũng có thể xóa được.</p>
	<p>Fibonacci</p>
	<p><i>Hình cong Fibonacci: Kéo điểm mà người sử dụng chọn (điểm cao và điểm thấp) và thả vào điểm mong muốn (điểm cao và điểm thấp), đường khuynh hướng hình cung được tạo ra. Thông qua vị trí của giá chứng khoán (kháng cự/duy trì/vượt qua) và đường cong tại phía phải đường trung tâm có thể phân tích được khuynh hướng.</i></p>
	<p><i>Hình dẻ quạt Fibonacci: Kéo điểm mà người sử dụng chọn (điểm cao và điểm thấp) và thả vào điểm mong muốn (điểm cao và điểm thấp), tạo được một đường Fibonacci hình dạng đơn góc 3 góc. Ở biên dọc đường này tạo một đường theo tỉ lệ 23.6, 38.2, 50, 61.8, đường vừa tạo và giá chứng khoán (kháng cự/duy trì/vượt qua) là căn cứ giúp phân tích khuynh hướng</i></p>
	<p><i>Đường ba phần /bốn phần. Chọn mũi tên bên cạnh phím thì có thể chọn được đường 3 phần hoặc đường 4 phần</i></p>
	<p><i>Các đường hỗ trợ để vẽ, xác định xu hướng của một cổ phiếu nằm ở thanh ngang góc phải của màn hình đồ thị :</i></p> 